

TOÀN BỘ BẢN VĂN CỦA DỰ LUẬT G

THUẾ KINH DOANH

NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ SAN JOSE QUYẾT ĐỊNH:

Chương 4.76 của Tiêu Đề 4 Bộ Luật Thành Phố San Jose theo đây sẽ được tu chính và trình bày lại toàn bộ được đánh số, đặt tiêu đề và có nội dung như sau:

CHƯƠNG 4.76

THUẾ KINH DOANH

Phần 1

MỤC ĐÍCH VÀ ĐỊNH NGHĨA

4.76.010 Mục đích

Chương này được ban hành chỉ để tăng thu nhập cho các mục đích của thành phố và không có ý định trở thành quy chế.

4.76.020 Định Nghĩa Chung

Cho mục đích của Chương này, một số từ và nhóm chữ nhất định được định nghĩa và một số điều khoản nhất định sẽ được hiểu như quy định trong Phần 1 này, trừ khi bối cảnh rõ ràng đòi hỏi phải có một ý nghĩa khác.

4.76.030 Số Nhân Viên Trung Bình-Định Nghĩa-Tính Toán

A. "Số Nhân Viên Trung Bình" nghĩa là số nhân viên trung bình được tuyển dụng trong Thành Phố trong doanh nghiệp của người nộp đơn trong một (1) năm ngay trước năm mà chứng nhận thuế kinh doanh được cấp, và sẽ được xác định như sau:

1. Bảng việc xác định tổng số giờ làm việc được thực hiện trong Thành Phố bởi toàn bộ nhân viên trong doanh nghiệp của người nộp đơn trong năm trước và chia tổng số giờ làm việc cho số giờ làm việc của công việc trong một ngày theo luật, tập quán hoặc sử dụng quản lý hoặc liên quan đến việc làm đó và kết quả tìm được được chia cho số ngày làm việc trong năm trước; hoặc
2. Theo sự lựa chọn của người nộp đơn, nếu người nộp đơn nộp cho Bộ Việc Làm của Tiểu Bang các mẫu và báo cáo đề cập trong đây, và nếu người nộp đơn báo cáo trong đây toàn bộ nhân viên của người nộp đơn như định nghĩa trong Chương này, người nộp đơn có thể tính toán số nhân viên trung bình bằng cách lấy số nhân viên được tuyển dụng trong doanh nghiệp của người nộp đơn trong Thành Phố trong mỗi tháng của năm trước như được trình bày và báo cáo trong tất cả các mẫu DE3, và chia tổng số đạt được cho mười hai (12). Mẫu DE3 và các mẫu khác được nhắc

đến ở phần đầu của tài liệu này là các mẫu có tiêu đề "Hoàn Thuế DE3 và Báo Cáo Lương Theo Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp" mà chủ lao động được yêu cầu phải nộp lên Bộ Việc Làm của Tiểu Bang, theo Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp của tiểu bang cho mục đích báo cáo thuế đến hạn theo Bộ Luật này, và bất kỳ mẫu hoặc các mẫu nào khác hiện tại hoặc sau này được yêu cầu bởi Tiểu Bang cho những mục đích như vậy.

- B. Trong việc tính toán số nhân viên trung bình, phần lẻ của các số một nửa (1/2) và lớn hơn sẽ được làm tròn đến số nguyên tiếp theo.

4.76.040 Số Nhân Viên Trung Bình-Dành Cho Doanh Nghiệp Mới-Đinh Nghĩa-Tính Toán

- A. Bất kể các điều khoản của Đoạn 4.76.030 có trái ngược với nội dung nêu trên, trong trường hợp một doanh nghiệp mới, "số nhân viên trung bình," như được sử dụng trong Chương này, nghĩa là số nhân viên trung bình được tuyển dụng trong Thành Phố trong doanh nghiệp của người nộp đơn trong giai đoạn mà chứng nhận thuế kinh doanh được cấp, và sẽ được xác định như sau: Người nộp đơn, nếu toàn bộ hoặc một phần thuế được áp cho doanh nghiệp được dựa trên số nhân viên trung bình của doanh nghiệp đó, sẽ nộp cho Giám Đốc đơn xin cấp chứng nhận thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này, một tờ khai theo mẫu do Giám Đốc cấp, nêu rõ ước tính số nhân viên trung bình mà người nộp đơn có ý định hoặc dự kiến tuyển dụng trong Thành Phố trong doanh nghiệp của người nộp đơn trong giai đoạn chứng nhận thuế kinh doanh sẽ được cấp. Bất kỳ loại thuế nào được áp theo đây cho doanh nghiệp đó, dựa trên số nhân viên trung bình trong doanh nghiệp, sau đó sẽ được tính toán dựa trên cơ sở ước tính, và người nộp đơn sau đó sẽ nộp thuế dựa trên số ước tính này.
- B. Vào cuối giai đoạn mà chứng nhận thuế kinh doanh được cấp, người nộp đơn sẽ nộp cho Giám Đốc một tờ khai cho thấy số nhân viên trung bình thực tế được tuyển dụng trong Thành Phố trong doanh nghiệp của người nộp đơn trong giai đoạn đó, được tính toán để phù hợp với Đoạn 4.76.030 nói trên. Nếu thuế được dựa trên số nhân viên trung bình thực tế được tuyển dụng trong giai đoạn đó vượt quá số thuế dựa trên số nhân viên ước tính tại thời điểm chứng nhận thuế kinh doanh được cấp, người nộp đơn sau đó sẽ nộp số thuế chênh lệch cho Giám Đốc.

Nếu thuế được dựa trên số nhân viên trung bình thực tế được tuyển dụng trong giai đoạn đó ít hơn số thuế dựa trên số nhân viên ước tính tại thời điểm chứng nhận thuế kinh doanh được cấp, người nộp đơn sau đó sẽ được Thành Phố ghi có với số tiền bằng số chênh lệch.

4.76.050 Kinh doanh

Thuật ngữ "kinh doanh" bao gồm mọi hoạt động tham gia vào hoặc được tạo ra để tham gia vào trong Thành Phố bao gồm những doanh nghiệp thương mại hoặc công nghiệp, thương mại, nghề nghiệp, nghề, dạy nghề, nghề nghiệp hoặc kế sinh nhai bao gồm thuê hoặc cho thuê bất động sản gia cư hoặc phi gia cư và các công viên nhà di động hoặc các nhà thầu độc lập, dù được tiến hành vì lợi nhuận hay không, nhưng sẽ không bao gồm các dịch vụ được cung cấp bởi một nhân viên cho chủ lao động của họ.

4.76.052 Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh

"Chứng nhận thuế kinh doanh" hoặc "chứng nhận" nghĩa là chứng nhận được Thành Phố cấp cho người nộp thuế sau khi hoàn thành đơn đăng ký thuế kinh doanh và nộp thuế như được quy định bởi Chương này, hoặc chứng nhận được cấp bởi Giám Đốc chiếu theo Đoạn 4.76.610 sau khi Giám Đốc quyết định rằng một người nộp đơn xin miễn nộp thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này được miễn nộp thuế.

4.76.055 Quý Dương Lịch

"Quý dương lịch" nghĩa là bất kỳ một trong số bốn (4) giai đoạn kéo dài ba (3) tháng của năm dương lịch bắt đầu vào ngày 1 tháng Một, ngày 1 tháng Tư, ngày 1 tháng Bảy, và ngày 1 tháng Mười.

4.76.056 Chỉ số CPI

"Chỉ Số CPI" nghĩa là Chỉ Số Giá Tiêu Dùng – Toàn bộ Người Tiêu Thụ Đô Thị cho Toàn Bộ Các Khoản (với một giai đoạn căn bản 1982-1984=100) cho Khu Vực San Francisco-Oakland-San José do Phòng Thống Kê Lao Động, Bộ Lao Động Hoa Kỳ ban hành.

4.76.057 Ngày

"Ngày" nghĩa là ngày dương lịch trừ khi có quy định khác.

4.76.058 Giám Đốc

"Giám Đốc" nghĩa là Giám Đốc Tài Chánh của Thành Phố.

4.76.060 Nhân Viên

"Nhân viên" nghĩa là mỗi và từng người tham gia điều hành hay tiến hành một công việc kinh doanh, với tư cách là chủ thương nghiệp, thành viên gia đình của chủ tiểu thương nghiệp, cộng tác viên, bên liên kết, đại lý, quản lý hoặc luật sư của chủ thương nghiệp, và mỗi và từng người khác được tuyển dụng hay làm việc trong doanh nghiệp đó để nhận tiền công, tiền lương, hoa hồng, phòng ở hay tiền cơm tháng.

4.76.070 Tham gia vào Kinh Doanh

"Tham gia vào kinh doanh" nghĩa là bắt đầu, tiến hành, hoạt động, quản lý hoặc thực hiện một công việc kinh doanh và thực thi các quyền công ty hoặc nhượng quyền, cho dù được thực hiện với tư cách là chủ thương nghiệp hay nhân viên, đại lý, quản lý, nhân viên hay công chức hay với tư cách nào khác, điều hành từ một địa điểm cố định trong Thành Phố hay vào Thành Phố từ một địa điểm bên ngoài để tham gia vào những hoạt động như vậy.

4.76.075 Bảng Chứng Hoạt Động Kinh Doanh

Bất cứ người nào vào bất kỳ lúc nào sử dụng các biển hiệu, bản yết thị hay phương tiện truyền thông quảng cáo khác, bao gồm sử dụng internet hoặc quảng cáo qua điện thoại, thể hiện rằng người đó đã tham gia vào một công việc kinh doanh trong Thành Phố, thì những sự kiện này có thể được sử dụng làm bằng chứng rằng người đó đang tiến hành công việc kinh doanh trong Thành Phố.

4.76.095 Thuế Kinh Doanh

"Thuế kinh doanh" hay "thuế" nghĩa là thuế phải nộp do tham gia vào công việc kinh doanh ở San José.

4.76.098 Bộ Luật NAICS

"Bộ Luật NAICS" nghĩa là sự phân loại về mặt số học cho những hoạt động kinh doanh được xác lập trong Hệ Thống Phân Loại Ngành Bắc Mỹ.

4.76.100 Doanh Nghiệp Mới

"Doanh Nghiệp Mới" nghĩa là một doanh nghiệp đang tồn tại và hoạt động trong chín mươi (90) ngày hoặc ít hơn.

4.76.105 Hệ Thống Lưu Trữ Hồ Sơ Trực Tuyến

"Hệ Thống Lưu Trữ Hồ Sơ Trực Tuyến" nghĩa là một hệ thống vận hành trên mạng internet như một phương pháp tùy chọn để nộp đơn xin cấp chứng nhận thuế kinh doanh và nộp thuế kinh doanh, bao gồm các khoản tiền lãi và tiền phạt phải trả chiếu theo Chương này.

4.76.110 Người

"Người" có nghĩa là bất kỳ công ty trong nước hoặc nước ngoài, hãng, hiệp hội, nghiệp đoàn, công ty cổ phần, các loại quan hệ cộng tác, thương nghiệp liên doanh, câu lạc bộ, doanh nghiệp Massachusetts hoặc tín hội, hội đoàn, cá nhân, di sản, tín quỹ thương mại, thủ quỹ, chương trình hưu trí, chương quản hay bất kỳ nhóm nào hoặc tập hợp nào khác hoạt động như một đơn vị.

4.76.115 Tiểu Thương Nghiệp

"Tiểu Thương Nghiệp" nghĩa là một doanh nghiệp do một thể nhân sở hữu và điều hành hoặc được sở hữu và điều hành chung với người hôn phối hoặc bạn đời ở nhà mà không có giám đốc hoặc nhân viên. Cho những mục đích của Chương này, "bạn đời ở nhà" nghĩa là hai (2) cá nhân hiện có tuyên bố về mối quan hệ hợp tác ở nhà được lưu trong hồ sơ của Tổng Thư Ký Tiểu Bang California chiếu theo Đoạn 297 và tiếp theo có thể được tu chính của Bộ Luật Gia Đình California, Đạo Luật Ghi Danh Bạn Đời, xác định họ là bạn đời ở nhà của nhau. Một "tiểu thương nghiệp" không bao gồm một công ty, công ty hợp doanh hay công ty liên kết trừ khi thể nhân điều hành doanh nghiệp

đó hoặc người hôn phối hoặc bạn đời ở nhà là nhân viên duy nhất của công ty, công ty hợp doanh hay công ty liên kết đó.

4.76.120 Chủ Tiểu Thương Nghiệp

"Chủ tiểu thương nghiệp" nghĩa là một thể nhân sở hữu và điều hành một tiểu thương nghiệp hoặc sở hữu và điều hành một tiểu thương nghiệp cùng người hôn phối hoặc bạn đời ở nhà của họ nếu có.

Phần 2

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ THUẾ

4.76.160 Các loại Giấy Phép, Môn Bài, Thuế, Phí hoặc Lệ Phí Được Phép Khi

Không có điều khoản nào trong Chương 4.76 được coi là bãi bỏ, tu chính, thay cho, thay thế hoặc bằng bất kỳ cách nào ảnh hưởng đến những yêu cầu về giấy phép hay môn bài theo yêu cầu, theo hoặc bởi bất kỳ điều khoản nào trong bất kỳ Tựa Đề hay Chương nào khác của Bộ Luật này hoặc bất kỳ sắc lệnh hoặc nghị quyết nào khác của Thành Phố hay Hội Đồng Thành Phố, hoặc không bị coi là bãi bỏ, tu chính, thay cho, thay thế hoặc bằng bất kỳ cách nào ảnh hưởng đến thuế, phí hoặc lệ phí khác được áp, thẩm định hay yêu cầu bởi, theo hoặc bởi bất kỳ Tựa Đề hay Chương nào khác của Bộ Luật này hoặc bất kỳ sắc lệnh hoặc nghị quyết nào khác của Thành Phố hay Hội Đồng Thành Phố.

4.76.170 Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh – Bắt Buộc

- A. Tại đây áp các loại thuế kinh doanh lên toàn bộ những người tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố với số tiền thuế được quy định trong Chương này. Sẽ là phạm pháp nếu bất kỳ người nào bắt đầu tiến hành, giao dịch hoặc thực hiện công việc kinh doanh trong Thành Phố không được Chương này loại trừ mà trước hết không có chứng nhận thuế kinh doanh từ Thành Phố để kinh doanh, hoặc không tuân thủ bất kỳ hay toàn bộ các điều khoản có trong Chương này. Việc thực hiện bất kỳ công việc kinh doanh nào mà không tuân thủ bất kỳ hay toàn bộ các điều khoản trong Chương này sẽ cấu thành một vi phạm riêng Chương này cho mỗi và từng ngày thực hiện công việc kinh doanh đó.
- B. Phải có chứng nhận thuế kinh doanh và phải nộp thuế kinh doanh được tuyên bố là bắt buộc chiếu theo quyền hạn đánh thuế của Thành Phố chỉ cho mục đích doanh thu và không phải là lệ phí môn bài theo luật định.

4.76.180 Nộp Thuế Không Cho Phép Kinh Doanh Trái Pháp Luật

- A. Nộp thuế kinh doanh theo yêu cầu của Chương này và được chấp nhận bởi Thành Phố, và việc cấp chứng nhận cho bất kỳ người nào có bằng chứng nộp thuế kinh doanh sẽ không mang lại cho người đó quyền thực hiện kinh doanh trừ khi người đó đã tuân thủ toàn bộ các yêu cầu của Bộ Luật này và các luật áp dụng khác, hoặc thực hiện bất kỳ công việc kinh doanh trong các tòa nhà hoặc cơ sở trong trường hợp tòa nhà

hay cơ sở đó nằm trong một khu vực hay vị trí mà việc thực hiện công việc kinh doanh tại đó vi phạm pháp luật.

- B. Không chứng nhận thuế kinh doanh nào được cấp theo các điều khoản của Chương này sẽ được hiểu là cho phép thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện kinh doanh trái phép hoặc bất hợp pháp, hoặc kinh doanh vi phạm các sắc lệnh của Thành Phố.

4.76.190 Đơn-Hình Thức và Nội Dung

Mỗi người được yêu cầu phải có một chứng nhận thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này phải nộp đơn xin cấp và gia hạn chứng nhận thuế kinh doanh cho Giám Đốc. Đơn này phải là một văn bản theo mẫu hoặc các mẫu được Giám Đốc cung cấp và phải được ký bởi người nộp đơn theo hình phạt về tội khai man. Đơn phải ghi rõ những thông tin theo yêu cầu trong đây và thông tin cần thiết hợp lý để xác định chính xác số thuế mà người nộp đơn phải nộp, cùng với những thông tin khác theo yêu cầu của Giám Đốc để giúp Giám Đốc quản lý các điều khoản của Chương này.

4.76.200 Đơn-Thông Tin Không Mang Tính Quyết Định-Mật

- A. Không đơn nào được dùng làm cơ sở cuối cùng để xác định các vấn đề ghi trong đơn, hay việc nộp đơn sẽ không ngăn cản Thành Phố, bằng biện pháp thích hợp, thu thuế đến hạn và thuế còn phải nộp theo Chương này. Mỗi đơn, và toàn bộ các lời khai và thông tin có trong đơn, sẽ được xét duyệt, thanh tra và xác minh bởi Giám Đốc, Phó Giám Đốc hoặc những nhân viên được ủy quyền khác của Thành Phố. Toàn bộ những người tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố theo đây bắt buộc phải cho phép kiểm tra sổ sách, hồ sơ và giấy tờ vì những mục đích được quy định trong Chương này.
- B. Thông tin hoặc dữ liệu có được từ kiểm tra hoặc thanh tra, hoặc từ đơn theo yêu cầu dưới đây, sẽ được coi là bí mật, tùy theo các điều khoản ngoại lệ quy định trong Đoạn này. Thông tin nói trên là để cập đến các hồ sơ thuế kinh doanh.
- C. Thông tin công khai sẵn có cần đưa vào mẫu đơn đăng ký thuế kinh doanh hoặc được ghi rõ trong mẫu đơn đăng ký thuế kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn ở tên, địa chỉ, số tài khoản thuế kinh doanh, Bộ Luật NAICS hoặc bất kỳ phân loại kinh doanh khác mà Giám Đốc coi là phù hợp để xác định và theo dõi doanh nghiệp và quản lý Chương này, có thể được tiết lộ.
- D. Các điều khoản của Đoạn này sẽ không được hiểu là ngăn cản tiết lộ các hồ sơ thuế kinh doanh bởi một viên chức, nhân viên hay đại lý Thành Phố, vì mục đích quản lý hay thi hành các điều khoản của Chương này.
- E. Các điều khoản của Đoạn này sẽ không được hiểu là ngăn cản việc tiết lộ các hồ sơ thuế kinh doanh cho, hoặc kiểm tra các hồ sơ thuế kinh doanh bởi, các viên chức thuế tiểu bang hoặc liên bang, hoặc các viên

chức thuế của một thành phố khác hay quận hay thành phố và quận nếu có thỏa thuận tương hỗ trao đổi thông tin thuế để hỗ trợ Thành Phố trong việc thi hành Chương này.

- F. Các điều khoản của Đoạn này sẽ không được hiểu là ngăn cản việc tiết lộ hồ sơ thuế kinh doanh cho một trật đòi hầu tòa hay một án lệnh.

4.76.220 Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh-Vài Doanh Nghiệp ở Một Địa Điểm

Nếu một người tham gia vào hai (2) doanh nghiệp riêng lẻ trở lên ở cùng một trụ sở hay địa điểm thì mỗi doanh nghiệp cần được cấp một chứng nhận thuế kinh doanh riêng. Điều hành doanh nghiệp riêng lẻ còn được định nghĩa là tham gia vào hai (2) thực thể kinh doanh khác nhau và riêng lẻ hoặc có tên trong các bộ hồ sơ kế toán, tài khoản ngân hàng riêng và các hồ sơ tương tự được lưu trữ.

4.76.225 Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh-Một Doanh Nghiệp ở Vài Địa Điểm

Bất kể cách diễn đạt nào trái ngược trong Chương này, mỗi cơ sở chi nhánh hoặc một địa điểm mà một người thực hiện cùng một công việc kinh doanh sẽ không bị coi là một doanh nghiệp riêng, nhưng tất cả các chi nhánh và địa điểm kinh doanh đó sẽ được coi là một (1) doanh nghiệp.

4.76.230 Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh-Các Doanh Nghiệp Căn Bản

Mỗi người điều hành bất kỳ công việc kinh doanh, dù trên cơ sở miễn phí, thuê hay hoa hồng trên một mặt bằng thuê hoặc nhượng quyền trong hoặc tại cơ sở của bất kỳ người nào tham gia kinh doanh theo các điều khoản của Chương này, sẽ phải nộp thuế và lấy một chứng nhận thuế kinh doanh độc lập riêng chiếu theo những điều khoản thích hợp trong đây, và sẽ phụ thuộc vào tất cả các điều khoản của Chương này.

4.76.240 Chứng Nhận Hàng Năm-Thời Hạn

- A. Bất kỳ chứng từ nào làm bằng chứng cho việc nộp thuế kinh doanh phải nộp hàng năm sẽ có hiệu lực kể từ ngày mà Thành Phố nhận được toàn bộ khoản tiền thuế và, nếu áp dụng, cả tiền lãi và tiền phạt. Bất kể ngày nộp thuế kinh doanh là ngày nào, chứng từ chứng minh nộp thuế kinh doanh bởi một doanh nghiệp mới phải được đề ngày là ngày mà doanh nghiệp bắt đầu kinh doanh và chứng từ chứng minh nộp thuế kinh doanh hàng năm phải được đề ngày là ngày đến hạn nộp thuế kinh doanh.
- B. Chứng nhận được cấp trên cơ sở hàng năm và vẫn còn hiệu lực cho đến ngày hết hạn nộp thuế kinh doanh hàng năm như quy định trong Đoạn 4.76.270.

4.76.270 Nộp Thuế-Giới Hạn Thời Gian

Toàn bộ thuế kinh doanh do Chương này áp sẽ đến hạn và phải nộp như sau:

- A. Thuế kinh doanh nộp trên cơ sở hàng năm phải được nộp trước. Thuế kinh doanh sẽ đến hạn và phải nộp vào những ngày sau:
1. Tùy thuộc vào những điều khoản của Đoạn 4.76.290, nộp thuế kinh doanh lần đầu đến hạn và phải nộp vào ngày đầu tiên mà người đó tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố; và
 2. Mỗi lần nộp thuế kinh doanh sau đó sẽ đến hạn và phải nộp hàng năm vào ngày mười lăm (ngày thứ 15) của tháng dương lịch mà trong tháng đó người đó lần đầu tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố.
- B. Dù theo Tiểu Đoạn A.2, đối với những tài khoản thuế kinh doanh được chỉ định để nộp thuế kinh doanh hàng năm trong một quý dương lịch mà không phải là quý dương lịch mà thuế kinh doanh lần đầu đến hạn nộp cho Thành Phố, người đóng thuế kinh doanh sẽ nộp thuế kinh doanh hàng năm vào ngày mười lăm (ngày thứ 15) của tháng đầu tiên của quý dương lịch mà họ đang nộp thuế kinh doanh trong tháng đó, theo quyết định của Giám Đốc.
- C. Ngày đến hạn của thuế kinh doanh phải nộp trên cơ sở hàng tháng sẽ là ngày cuối cùng của tháng ngay sau tháng phải nộp thuế.
- D. Trong trường hợp một doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trước khi hết hạn kỳ tính thuế kinh doanh, ngày đến hạn của các khoản thuế cộng dồn và còn nợ Thành Phố theo những điều khoản của Chương này, bao gồm các loại thuế kinh doanh sẽ không được nộp cho đến cuối kỳ tính thuế kinh doanh mà việc chấm dứt xảy ra trong thời gian đó hoặc sẽ không được nộp cho đến thời gian nộp thuế cho kỳ tính thuế kinh doanh kế tiếp, sẽ là ngày chấm dứt kinh doanh.

4.76.270.5 Gia Hạn Ngày Nộp Thuế-Đóng Cửa Văn Phòng Thành Phố

- A. Trong bất kỳ năm nào mà các văn phòng Thành Phố đóng cửa, bởi hành động của Hội Đồng Thành Phố, trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng Mười Hai đến ngày 1 tháng Một, các loại thuế được áp theo Chương này sẽ đến hạn như sau:
1. Thuế kinh doanh nộp trên cơ sở hàng năm, chiếu theo Đoạn 4.76.270.A., sẽ đến hạn vào ngày đầu tiên của năm, sẽ được coi là kịp thời nếu nộp vào ngày hoặc trước bảy (7) ngày sau ngày đến hạn.
 2. Thuế kinh doanh nộp trên cơ sở hàng tháng, chiếu theo Đoạn 4.76.270.C., đến hạn vào ngày 31, tháng Mười Hai sẽ được coi là kịp thời nếu nộp vào ngày hoặc trước bảy (7) ngày sau ngày đến hạn.

4.76.275 Nộp Thuế và Liên Lạc Qua Thư-Bằng Chứng Nộp Thuế Đúng Hạn

- A. Vào bất cứ khi nào, bất kỳ khoản nộp thuế, tờ khai, báo cáo, yêu cầu hay thông tin khác nhận bởi Giám Đốc được nhận sau thời gian được quy định trong Chương này để làm biên nhận sau đó, nhưng được nhận trong một phong bì có dấu bưu điện cho thấy đã được gửi qua bưu điện trước thời gian quy định trong Chương này để làm bằng chứng biên nhận sau này, hoặc bất cứ khi nào Giám Đốc được cung cấp bằng chứng quan trọng đáng kể cho khoản nộp thuế, tờ khai, báo cáo, yêu cầu hay thông tin khác thực tế đã được gửi qua bưu điện Hoa Kỳ trước thời gian quy định để làm biên nhận sau này, Giám Đốc có thể coi khoản nộp thuế, tờ khai, báo cáo, yêu cầu hay thông tin khác là đã được nhận kịp thời.
- B. Nếu ngày đến hạn rơi vào Thứ bảy, Chủ Nhật hay ngày nghỉ, ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc thông thường tiếp theo mà Tòa Thị Chánh mở cửa cho công chúng.

4.76.280 Nộp Thuế-Khi Thuế Bị Xem Là Trễ Hạn

Trừ khi có quy định cụ thể khác theo những điều khoản khác của Chương này, tất cả các loại thuế kinh doanh bắt buộc phải nộp chiếu theo Chương này sẽ bị xem là trễ hạn nếu không được đóng vào ngày hoặc trước ngày đến hạn đã quy định trong Đoạn 4.76.270.

4.76.281 Thành Phố Không Phải Gửi Thông Báo

Giám Đốc không bị buộc phải gửi một thông báo gia hạn, trễ hạn hay thông báo khác hoặc gửi hóa đơn cho bất kỳ người nào theo các điều khoản của Chương này và việc không gửi thông báo hay hóa đơn như vậy sẽ không làm ảnh hưởng đến tính hiệu lực của bất kỳ loại thuế hay tiền phạt nào phải nộp theo những điều khoản của Chương này.

4.76.282 Tuyên Bố Gia Hạn Thuế Kinh Doanh

Mỗi người chịu một loại thuế kinh doanh sẽ, trước khi thuế kinh doanh trễ hạn, nộp cho Giám Đốc thông tin theo yêu cầu của Giám Đốc để cho phép Giám Đốc điều hành các điều khoản của Chương này và nộp số thuế được tính vào lúc đó.

4.76.290 Nộp Thuế-Phạt Trễ Hạn; và Thời Gian Ân Hạn 90 ngày cho Doanh Nghiệp Mới

- A. Bất kỳ người nào không hoặc từ chối nộp thuế kinh doanh bắt buộc chiếu theo Đoạn này vào hoặc trước ngày đến hạn sẽ phải nộp tiền phạt và lãi như sau:
1. Một khoản tiền phạt bằng hai mươi lăm phần trăm (25%) số tiền thuế bên cạnh số tiền thuế, cộng tiền lãi của số thuế chưa nộp được tính kể từ ngày đến hạn với thuế suất được xác lập bởi nghị quyết của Hội Đồng Thành Phố; và

2. Một khoản tiền phạt bổ sung bằng hai lăm phần trăm (25%) tiền thuế nếu vẫn chưa nộp thuế trong thời gian vượt quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn, cộng tiền lãi tính trên số thuế chưa nộp và tiền lãi của khoản tiền phạt chưa nộp được tính theo lãi suất được quy định bởi nghị quyết của Hội Đồng Thành Phố.
- B. Dù theo Tiểu Đoạn A, nếu thuế kinh doanh đến hạn lần đầu tiên, người đóng thuế nộp toàn bộ tiền thuế trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày đến hạn, Thành Phố sẽ miễn trừ cho mọi khoản phạt và tiền lãi phát sinh kể từ ngày nộp thuế. Miễn trừ này chỉ áp dụng cho thuế kinh doanh quá hạn lần đầu đối với doanh nghiệp mới.
- C. Một người tham gia vào kinh doanh điều hành một cơ sở xử lý rác thải rắn không nộp thuế kinh doanh theo yêu cầu của Đoạn 4.76.490 vào ngày hoặc trước ngày đến hạn sẽ nộp tiền phạt và tiền lãi bằng mười phần trăm (10%) tiền thuế, bên cạnh số tiền thuế, nếu Giám Đốc nhận được tiền thuế trong một (1) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn. Sau đó, tiền phạt và tiền lãi sẽ được cộng dồn theo lãi suất được quy định trong Tiểu Đoạn A nêu trên.
- D. Trong trường hợp gửi chi phiếu để nộp thuế kinh doanh và sau đó chi phiếu bị ngân hàng từ chối trả tiền, và chi phiếu không được xem là đã trả tiền trước ngày đến hạn, thì người đóng thuế sẽ phải chịu trách nhiệm về số tiền thuế phải nộp cộng với những khoản tiền phạt và tiền lãi như đã quy định trong Đoạn này cộng với bất kỳ khoản tiền nào được phép theo luật tiểu bang.
- E. Trừ một số doanh nghiệp mới đủ tiêu chuẩn theo Tiểu Đoạn B, nếu người nào không nộp đơn xin cấp và bảo đảm có một chứng nhận thuế kinh doanh hợp lệ, thuế kinh doanh đến hạn sẽ là số thuế đến hạn và phải nộp kể từ ngày đầu tiên mà người đó tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố, cùng với các khoản phạt và tiền lãi áp dụng theo Tiểu Đoạn A nêu trên.

4.76.295 Miễn Tiền Phạt

Giám Đốc có thể miễn tiền phạt lần đầu và lần thứ hai của hai mươi lăm phần trăm (25%) tiền thuế áp cho mỗi người nếu:

- A. Người đó cung cấp cho Giám Đốc bằng chứng thỏa đáng chứng tỏ rằng việc không đóng thuế đúng hạn là do những hoàn cảnh mà người đó không thể kiểm soát và đã xảy ra mặc dù đã có sự quan tâm thường lệ và không cố ý bỏ bê, và người đó đã nộp tiền thuế kinh doanh trễ hạn và tiền lãi tích lũy còn nợ Thành Phố trước khi nộp đơn cho Giám Đốc xin miễn.
- B. Các điều khoản miễn quy định trong Tiểu Đoạn này sẽ không áp dụng cho tiền lãi tích lũy của tiền thuế trễ hạn và chỉ được miễn một lần trong mỗi khoảng thời gian hai mươi tư (24) tháng.

4.76.300 Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh Không Thể Chuyển Nhượng-Tu Chính Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh do Thay Đổi Địa Điểm-Đổi Tên Doanh Nghiệp

- A. Chứng nhận thuế kinh doanh được cấp chiếu theo Chương này là không thể chuyển nhượng hoặc chuyển giao cho bất kỳ người nào khác, hoặc bất kỳ tiền thuế nào đã nộp bởi một người theo các điều khoản của Chương này sẽ áp dụng toàn bộ hay một phần cho việc nộp tiền thuế đến hạn hay sắp đến hạn của bất kỳ người nào khác.
- B. Mỗi người được cấp một chứng nhận thuế kinh doanh sẽ nộp đơn cho Giám Đốc xin cấp chứng nhận thuế kinh doanh đã tu chính trước khi thay đổi địa điểm trụ sở chính, tên doanh nghiệp hoặc địa chỉ gửi thư của doanh nghiệp được ghi trong chứng nhận thuế kinh doanh. Việc cấp chứng nhận thuế kinh doanh đã tu chính sẽ tùy thuộc vào việc nộp phí xin cấp chứng nhận tu chính được quy định trong Biểu Phí và Lệ Phí sẽ được xác lập theo nghị quyết của Hội Đồng Thành Phố.
- C. Sẽ là trái phép nếu một người bán, cho hoặc cách khác là chuyển nhượng cho người khác, hoặc cho phép một người khác sử dụng hoặc niêm yết, làm hỏng hay xé bỏ, hoặc sở hữu, ngoại trừ những trường hợp được cho phép bởi Chương này, bất kỳ chứng nhận thuế kinh doanh nào được cấp cho một người khác.
- D. Chuyển nhượng cổ phần hoặc tài sản của bất kỳ doanh nghiệp nào làm thay đổi quyền kiểm soát doanh nghiệp sẽ cấu thành một sự thay đổi về quyền sở hữu.

4.76.310 Chứng Nhận Thuế Kinh Doanh-Yêu Cầu Niêm Yết hoặc Mang Theo

Mỗi người được cấp chứng nhận thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này để tham gia vào kinh doanh tại một địa điểm kinh doanh cố định sẽ phải niêm yết chứng nhận thuế kinh doanh, khi vẫn còn hiệu lực, ở một nơi dễ thấy, trong tầm nhìn của công chúng rõ ràng tại địa điểm kinh doanh. Mỗi người có chứng nhận thuế kinh doanh như vậy và không có một địa điểm kinh doanh cố định phải luôn mang theo chứng nhận thuế kinh doanh khi thực hiện cùng công việc kinh doanh như trong giấy chứng nhận thuế kinh doanh được cấp. Mỗi người có chứng nhận thuế kinh doanh sẽ cung cấp hoặc xuất trình chứng nhận bất kỳ lúc nào được yêu cầu bởi cảnh sát viên hoặc bất kỳ người nào được ủy quyền cấp hoặc thanh tra chứng nhận thuế kinh doanh hay thu thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này.

4.76.320 Nhãn Dán Nhân Dang Xe Cộ

- A. Giám Đốc có thể yêu cầu bất cứ người nào sử dụng xe cộ khi thực hiện công việc kinh doanh phải niêm yết ở chỗ dễ thấy trong xe một nhãn dán, thiết bị, ký hiệu hay chứng nhận thuế kinh doanh hoặc bản sao có in những chữ "San José, California", hoặc bất kỳ chữ viết tắt nào của những chữ này, trong thời hạn hiệu lực của chứng nhận thuế kinh doanh, và dưới hình thức và màu sắc và chứa những thông tin khác do Giám Đốc quyết định.

- B. Không người nào được cấp thẻ nhận dạng xe cộ được vứt bỏ, bán hoặc chuyển nhượng thẻ đó hoặc cho phép người khác sử dụng.

4.76.330 Bản Sao Chứng Nhận

Bản sao chứng nhận có thể được Giám Đốc cấp nhằm thay thế chứng nhận thuế kinh doanh được cấp trước đây đã bị mất hoặc bị hủy sau khi nộp một chứng thư xác nhận sự mất mát hoặc hủy đó, và nộp một khoản phí cho Giám Đốc vào lúc nộp chứng thư xác nhận như quy định trong biểu phí và lệ phí được xác lập theo nghị quyết của Hội Đồng Thành Phố.

4.76.335 Hoàn Thuế-Tín Dụng

- A. Sẽ không có khoản hoàn thuế nào từ tiền thuế đã thu chiếu theo Chương này trừ khi được quy định trong Đoạn 4.76.340.
- B. Sẽ không khoản hoàn thuế từ tiền đã thu chiếu theo Chương này do ngừng hoạt động, giải thể hay chấm dứt doanh nghiệp khác.
- C. Bất kỳ người nào có quyền được hoàn thuế từ số thuế đã nộp chiếu theo Chương này có thể lựa chọn bằng văn bản khoản hoàn thuế đó được áp dụng như một khoản tín dụng để trừ vào các loại thuế kinh doanh của người đó trong năm dương lịch kế tiếp.

4.76.340 Hoàn Thuế và Thủ Tục

- A. Vào bất cứ lúc nào số tiền thuế kinh doanh, tiền phạt hay tiền lãi được nộp thừa, nộp nhiều hơn một lần hoặc nộp nhầm, hoặc được thu hoặc nhận bất hợp pháp bởi Thành Phố theo Chương này, số tiền đó có thể được hoàn lại cho người đứng đơn đã nộp tiền thuế đó miễn là phải nộp đơn xin hoàn thuế cho Giám Đốc, và đáp ứng thỏa đáng yêu cầu trong các điều khoản của Chương 4.82.
- B. Giám Đốc hay đại diện ủy quyền của Giám Đốc sẽ có quyền kiểm tra và thanh tra toàn bộ sổ sách và hồ sơ kinh doanh của người đứng đơn để quyết định về tính cách hợp lệ của người đứng đơn xin hoàn tiền. Sẽ không có khiếu nại hoàn tiền nào được phép nếu người đứng đơn từ chối cho phép kiểm tra sổ sách và hồ sơ kinh doanh của người đứng đơn sau khi nhận được yêu cầu thanh tra kiểm tra của Giám Đốc.
- C. Trong trường hợp thuế kinh doanh bị nộp nhầm và lỗi thuộc về Thành Phố, toàn bộ số thuế nộp nhầm sẽ được hoàn lại cho người đứng đơn. Nếu lỗi thuộc về người đứng đơn, Thành Phố sẽ giữ lại số tiền quy định trong biểu phí và lệ phí được xác lập theo nghị quyết của Thành Phố từ số tiền sẽ được hoàn lại để trang trải cho các chi phí xử lý.
- D. Giám Đốc sẽ bắt đầu hoàn lại thuế kinh doanh đã nộp thừa hoặc thu nhầm bất kỳ khi nào số tiền nộp thừa hay thu nhầm được phát hiện bởi thanh tra doanh thu thuế kinh doanh của Thành Phố. Trong trường hợp

thuế kinh doanh bị nộp nhầm và lỗi thuộc về Thành Phố, toàn bộ số thuế nộp nhầm sẽ được hoàn lại cho người đứng đơn. Nếu lỗi thuộc về người đứng đơn, Thành Phố sẽ giữ lại số tiền quy định trong Tiểu Đoạn C nói trên từ số tiền sẽ được hoàn lại để trang trải cho các chi phí xử lý.

- E. Trong mọi trường hợp, sẽ không có hoàn tiền chiếu theo Đoạn này trừ khi và cho đến khi người đứng đơn cung cấp cho Giám Đốc chứng nhận thuế kinh doanh làm bằng chứng đã nộp khoản thuế đang xin hoàn:
1. Khi tiền thuế được nộp cho một doanh nghiệp mới nhưng doanh nghiệp mới chưa hoạt động trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp thuế.
 2. Khi tiền thuế được nộp để gia hạn chứng nhận thuế kinh doanh cho một doanh nghiệp không tồn tại tại thời điểm nộp thuế.
 3. Khi chứng nhận thuế được cấp cho một doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó đã được cấp một chứng nhận khác trong cùng khoảng thời gian.

4.76.345 Miễn Thuế Trong Trường Hợp Khó Khăn Tài Chính cho Tiểu Thương Nghiệp Có Doanh Thu Thấp

- A. Một chủ tiểu thương nghiệp sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh được áp theo các điều khoản của Chương này khi tổng doanh thu của tiểu thương nghiệp không vượt quá mức nghèo khó cho năm dương lịch mà thuế kinh doanh đến hạn, và chủ tiểu thương nghiệp đáp ứng thỏa đáng những yêu cầu được quy định trong Tiểu Đoạn C dưới đây.
- B. Cho các mục đích của Đoạn này:
1. Thuật ngữ "mức nghèo khó" nghĩa là số thu nhập được xác lập bởi Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ quy định nghèo khó cho một người riêng lẻ nhân với hai (2) cho năm dương lịch mà thuế kinh doanh đến hạn. Trong trường hợp Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ ngừng ban hành các nguyên tắc về nghèo khó, Giám Đốc sẽ sử dụng số liệu thống kê dân số về nghèo khó tham khảo do một cơ quan hay một bộ của liên bang hay Tiểu Bang ban hành để Giám Đốc quyết định là có thể so sánh được trong khi đánh giá tính cách hợp lệ của việc miễn thuế theo Đoạn này.
 2. Thuật ngữ "tổng doanh thu" nghĩa là tổng doanh thu theo định nghĩa của Bộ Luật Thuế Vụ Hoa Kỳ và các quy định được xác lập trong đó.
- C. Chủ tiểu thương nghiệp đủ điều kiện được miễn thuế theo các điều khoản của Tiểu Đoạn A, miễn là:
1. Đề nghị miễn thuế được nộp cho Giám Đốc vào hoặc trước ngày thuế kinh doanh đến hạn; và

2. Đề nghị miễn thuế được nộp theo mẫu do Giám Đốc cung cấp, ghi rõ theo hình phạt về tội khai man rằng tổng doanh thu dự tính của tiểu thương nghiệp sẽ bằng hoặc thấp hơn mức nghèo khó của năm dương lịch mà thuế kinh doanh đến hạn.
- D. Giám Đốc sẽ có quyền kiểm tra và thanh tra toàn bộ sổ sách và hồ sơ của chủ tiểu thương nghiệp, bao gồm các khoản hoàn thuế thu nhập liên bang và tiểu bang hoặc các chứng từ khác chứng minh tổng doanh thu của tiểu thương nghiệp được Giám Đốc coi là đầy đủ, để xác định tính cách hợp lệ được miễn thuế của chủ tiểu thương nghiệp. Nếu Giám Đốc quyết định rằng chủ tiểu thương nghiệp không có quyền được hưởng khoản miễn thuế đã được cấp trước đây, thì thuế kinh doanh cho năm dương lịch đó sẽ đến hạn trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận thông báo của Thành Phố. Nếu thuế kinh doanh không được nộp vào hoặc trước ngày thứ ba mươi, tiền phạt và tiền lãi sẽ được cộng dồn chiếu theo Đoạn 4.76.290.
- E. Không được phép miễn thuế nếu chủ tiểu thương nghiệp từ chối cho phép kiểm tra sổ sách và hồ sơ, bao gồm hồ sơ hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc liên bang hoặc các chứng từ chứng minh tổng doanh thu của tiểu thương nghiệp mà được Giám Đốc coi là đầy đủ, sau khi được Giám Đốc yêu cầu làm như vậy.
- F. Quyết định của Giám Đốc theo Đoạn này là quyết định cuối cùng.

4.76.345.5 Miễn Thuế Trong Trường Hợp Khó Khăn Tài Chính cho Chủ Tiểu Thương Nghiệp Có Thu Nhập Hộ Gia Đình Thấp

- A. Một chủ tiểu thương nghiệp sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh được áp theo các điều khoản của Chương này khi tổng thu nhập đã được điều chỉnh của chủ tiểu thương nghiệp và người hôn phối hoặc bạn đời ở nhà của chủ tiểu thương nghiệp, nếu có, được cộng vào không vượt quá mức nghèo khó cho năm dương lịch mà thuế kinh doanh đến hạn, và chủ tiểu thương nghiệp đáp ứng thỏa đáng những yêu cầu được quy định trong Tiểu Đoạn C dưới đây.
- B. Cho các mục đích của Đoạn này:
1. Thuật ngữ "mức nghèo khó" nghĩa là thu nhập được xác lập trong nguyên tắc về nghèo khó của Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ cho một người riêng lẻ nhân với bốn (4) cho năm dương lịch mà thuế kinh doanh đến hạn. Trong trường hợp Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ ngừng phát hành các nguyên tắc về nghèo khó, Giám Đốc sẽ sử dụng tham khảo số liệu thống kê dân số về nghèo khó do một cơ quan hay một bộ của liên bang hay Tiểu Bang ban hành để Giám Đốc quyết định là có thể so sánh được trong khi đánh giá tính cách hợp lệ của việc miễn thuế theo Đoạn này.
 2. Thuật ngữ "tổng thu nhập đã được điều chỉnh" nghĩa là tổng thu nhập đã được điều chỉnh theo định nghĩa của Bộ Luật Thuế Vụ Hoa Kỳ và các quy định được xác lập trong đó.
- C. Chủ tiểu thương nghiệp đủ điều kiện được miễn theo các điều khoản của Tiểu Đoạn A, miễn là:

1. Đề nghị miễn thuế được nộp cho Giám Đốc vào hoặc trước ngày thuế kinh doanh đến hạn; và
 2. Đề nghị miễn thuế được nộp theo mẫu do Giám Đốc cung cấp, ghi rõ theo hình phạt về tội khai man rằng dự tính rằng tổng thu nhập đã được điều chỉnh của chủ tiểu thương nghiệp và người hôn phối hoặc bạn đời ở nhà của họ, nếu có, cộng lại với nhau sẽ bằng hoặc thấp hơn mức nghèo khó của năm dương lịch mà thuế kinh doanh đến hạn.
- D. Giám Đốc sẽ có quyền kiểm tra và thanh tra toàn bộ sổ sách và hồ sơ của chủ tiểu thương nghiệp, bao gồm các khoản hoàn thuế thu nhập liên bang và tiểu bang hoặc các chứng từ khác chứng minh tổng thu nhập đã được điều chỉnh của chủ tiểu thương nghiệp được Giám Đốc coi là đầy đủ, để xác định tính cách hợp lệ được miễn thuế của chủ tiểu thương nghiệp. Nếu Giám Đốc quyết định rằng chủ tiểu thương nghiệp không có quyền được hưởng khoản miễn thuế đã được cấp trước đây, thì thuế kinh doanh cho năm dương lịch đó sẽ đến hạn trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận thông báo của Thành Phố. Nếu thuế kinh doanh không được nộp vào hoặc trước ngày thứ ba mươi, tiền phạt và tiền lãi sẽ được cộng dồn chiếu theo Đoạn 4.76.290.
- E. Không được phép miễn thuế nếu chủ tiểu thương nghiệp từ chối cho phép kiểm tra sổ sách và hồ sơ, bao gồm hồ sơ hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc liên bang hoặc các chứng từ khác chứng minh tổng thu nhập đã được điều chỉnh của chủ tiểu thương nghiệp mà được Giám Đốc coi là đầy đủ, sau khi được Giám Đốc yêu cầu làm như vậy.
- F. Quyết định của Giám Đốc theo Đoạn này là quyết định cuối cùng.

Phần 3

THUẾ TÍNH TRÊN CƠ SỞ SỐ NHÂN VIÊN TRUNG BÌNH

4.76.350 Kinh Doanh Bị Đánh Thuế

Mỗi người tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố sẽ nộp thuế kinh doanh như được tính toán trong Phần này dựa trên số nhân viên trung bình, trừ khi cơ sở của thuế được quy định khác trong Đoạn 4.76.355 hoặc trong Phần 4 của Chương này hoặc doanh nghiệp được miễn thuế như quy định trong Phần 5 của Chương này.

4.76.355 Tam Ngưng Thuế Kinh Doanh cho một số Nhân Viên Địa Ốc nhất định

- A. Cho các mục đích của Đoạn này, các thuật ngữ sau đây có ý nghĩa như sau:
1. "Nhân viên địa ốc" hoặc "nhân viên" nghĩa là nhân viên bán hàng hoặc người liên kết môi giới đã giao giấy phép kinh doanh địa ốc của mình do Nha Địa Ốc của Tiểu Bang cấp cho một người môi giới địa ốc.

2. "Người môi giới địa ốc" hay "người môi giới" nghĩa là người có giấy phép môi giới địa ốc do Nhà Địa Ốc của Tiểu Bang cấp, là người sở hữu hoặc kiểm soát hợp pháp kinh doanh môi giới địa ốc và là người không giao giấy phép môi giới của mình cho người khác hoặc thực thể khác như là điều kiện tiên quyết để môi giới mua hay bán địa ốc.
- B. Thu thuế kinh doanh được áp theo Đoạn 4.76.170 sẽ được tạm ngừng cho kinh doanh của bất kỳ nhân viên địa ốc nào đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây:
1. Tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh doanh nào trong Thành Phố có giấy phép địa ốc được cấp bởi Nhà Địa Ốc của Tiểu Bang theo yêu cầu của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở môi giới mua, bán hoặc thuê địa ốc, tham gia vào quản lý địa ốc và tạo ra các khoản vay địa ốc;
 2. Được xác định với tư cách là một nhân viên của một người môi giới địa ốc cho việc thẩm định thuế kinh doanh của người môi giới mà sẽ đến hạn lần đầu đồng thời với, hoặc trong 364 ngày sau đó, thuế kinh doanh của nhân viên đó đến hạn lần đầu, trên tờ danh sách nhân viên được nộp cho Giám Đốc; và
 3. Được tính là một nhân viên trong việc tính toán số thuế kinh doanh còn nợ bởi người môi giới địa ốc đó cho mục đích thẩm định thuế kinh doanh
- C. Một người môi giới địa ốc muốn tính các nhân viên địa ốc như là nhân viên cho mục đích thẩm định và tính toán thuế kinh doanh sẽ nộp thông tin đó nếu Giám Đốc thấy cần thiết hợp lý để quyết định tạm ngừng thu thuế kinh doanh theo Đoạn này có được bảo đảm hay không, bao gồm nhưng không giới hạn ở tên của nhân viên địa ốc, trên một tờ danh sách nhân viên do Giám Đốc cấp, cùng với đơn xin chứng nhận thuế kinh doanh hoặc gia hạn của người môi giới.
- D. Dù theo Đoạn 4.76.030 và 4.76.040, mỗi nhân viên được liệt kê trong tờ danh sách nhân viên được nộp bởi một người môi giới sẽ được coi là một nhân viên của người môi giới đó cho mục đích thẩm định thuế kinh doanh của người môi giới đang xem xét cho mục đích tính toán số tiền thuế kinh doanh mà người môi giới còn nợ theo Đoạn 4.76.360, bất kể số ngày hay giờ làm việc thực tế của nhân viên được liệt kê.
- E. Số thuế kinh doanh mà người môi giới, người đã nộp tờ danh sách nhân viên, còn nợ sẽ được tính toán bằng cách cộng số nhân viên địa ốc được xác định bằng tên trên tờ danh sách với số nhân viên trung bình của người môi giới không phải là nhân viên địa ốc. Số tổng cộng sẽ được dùng làm cơ sở để tính thuế kinh doanh của người môi giới.
- F. Không người môi giới nào được yêu cầu nộp tờ danh sách nhân viên; tuy nhiên mỗi nhân viên địa ốc phải chịu trách nhiệm nộp thuế kinh doanh của chính nhân viên đó, trừ khi, trên thực tế, một nhân viên và không tham gia vào kinh doanh như một cá nhân hoặc có tên trong tờ danh sách nhân viên của một người môi giới mà người này đã nộp thuế kinh doanh bao gồm cả nhân viên được liệt kê.

- G. Không có nội dung nào trong đây được hiểu là tạo ra sự miễn thuế hay tạm ngừng thu thuế kinh doanh cho những người môi giới địa ốc.
- H. Không có nội dung nào trong đây được hiểu là ngăn cản một nhân viên địa ốc không có tên trong tờ danh sách nhân viên cung cấp cho Giám Đốc bằng chứng về việc nhân viên đó, trên thực tế, là một nhân viên của người môi giới, và do đó không chịu trách nhiệm nộp thuế kinh doanh.
- I. Việc chỉ định một nhân viên địa ốc là một nhân viên cho các mục đích của Đoạn này sẽ không mang tính quyết định về tình trạng việc làm cho các mục đích khác theo Bộ Luật này hay bất kỳ luật nào khác.
- J. Quyết định của Giám Đốc về việc có nên tạm ngừng thu thuế kinh doanh theo Đoạn này hay không sẽ là cuối cùng.

4.76.360 Kinh Doanh Bi Đánh Thuế-Số Tiền-Ngày Hiệu Lực

Kể từ ngày 1, tháng Bảy, 2017, mỗi người tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố, dù tại một địa điểm kinh doanh cố định trong Thành Phố hay không, hàng năm sẽ nộp cho Giám Đốc loại thuế được quy định sau đây:

- A. Thuế kinh doanh tối thiểu là một trăm chín mươi lăm đô la (\$195.00) mỗi năm, cộng thêm thuế cho mỗi nhân viên bổ sung mỗi năm với số tiền như quy định trong Tiểu Đoạn B, dựa trên số nhân viên trung bình nhiều hơn hai (2), không được vượt quá số tối đa là một trăm năm mươi ngàn đô la (\$150,000.00) mỗi năm, tùy theo sự điều chỉnh hàng năm được quy định trong Đoạn 4.76.365.
- B. Thuế trên mỗi nhân viên sẽ như sau:

Số Nhân Viên Trung Bình	Thuế trên mỗi nhân viên
1-2	\$0
3-35	\$30
36-100	\$40
101-500	\$50
501+	\$60

4.76.365 Điều chỉnh CPI

Thuế kinh doanh tối thiểu là một trăm chín mươi lăm đô la (\$195.00), thuế bổ sung dựa trên số nhân viên nhiều hơn hai (2), và ngưỡng tham khảo trong Đoạn 4.76.360 nêu trên, sẽ được điều chỉnh hàng năm, bắt đầu từ ngày 1, tháng Bảy, 2018, và mỗi năm sau đó, nếu chỉ phí sinh hoạt trong Thành Phố đã tăng cao hơn giai đoạn căn bản trước đó như thể hiện bằng chỉ số CPI, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào điều chỉnh cũng không vượt quá ba phần trăm (3%) mỗi năm trên số thuế dựa trên số nhân viên, ba phần trăm (3%) mỗi năm trên ngưỡng, và một phẩy năm phần trăm (1.5%) mỗi năm trên thuế kinh doanh tối thiểu. Cho những mục đích của Đoạn này, giai đoạn căn bản cho giai đoạn điều chỉnh đầu tiên bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 2018 sẽ là Chỉ Số CPI được báo cáo trong giai đoạn từ tháng

Hai, 2017 đến tháng Hai, 2018. Giai đoạn căn bản cho mỗi lần điều chỉnh tiếp theo sau đó sẽ là từ tháng Hai đến tháng Hai. Trong trường hợp Chỉ Số CPI không còn được đăng tải, Giám Đốc sẽ sử dụng làm tài liệu tham khảo một chỉ số khác đăng tải bởi Tiểu Bang California hoặc một bộ phận hay cơ quan khác của liên bang được giao trách nhiệm đo lường phí tổn sinh hoạt trong khu vực địa lý bao gồm Thành Phố.

Phần 4

THUẾ TÍNH TRÊN CƠ SỞ KHÁC SỐ NHÂN VIÊN TRUNG BÌNH

4.76.400 Thuê hoặc Cho Thuê Bất Động Sản Gia Cư và Phi Gia Cư và Công Viên Nhà Di Động

Mỗi người trong Thành Phố tham gia vào kinh doanh thuê hoặc cho thuê bất động sản gia cư hoặc phi gia cư hoặc công viên nhà di động sẽ nộp thuế kinh doanh dựa trên số đơn vị thuê, số bộ vuông diện tích, hoặc các lô được giữ để cho thuê như mô tả trong Phần này, tuy nhiên, miễn là người đó tham gia vào điều hành kinh doanh đơn lẻ liên quan đến một thực thể kinh doanh riêng lẻ hoặc có tên trong một bộ hồ sơ kế toán, tài khoản ngân hàng riêng lẻ và các hồ sơ tương tự được lưu giữ, nợ thuế kinh doanh được tính toán chiếu theo cả Phần 3 và Phần 4, số tiền thuế kinh doanh đã nộp cho Thành Phố phải lớn hơn cả hai cách tính.

4.76.410 Thuê hoặc Cho Thuê Bất Động Sản Gia Cư-Đình Nghĩa

- A. Như được sử dụng trong Chương này, bất động sản gia cư được định nghĩa là phòng, căn hộ, nhà ở cho một gia đình, các đơn vị nhà cho hai gia đình, ba gia đình và cho nhiều gia đình, hoặc các loại nhà ở khác như, nhưng không giới hạn ở, khách sạn, khách sạn cạnh đường, nhà có phòng cho thuê, nhà trọ, nhà xử án hoặc nhà gỗ một tầng được sử dụng chủ yếu cho mục đích cư ngụ, ngủ hay ở trọ.
- B. Như được sử dụng trong Chương này, kinh doanh thuê hoặc cho thuê bất động sản gia cư sẽ được định nghĩa là từng người tham gia vào kinh doanh thuê hoặc cho thuê bất động sản gia cư như người cho thuê hoặc người cho thuê lại của Thành Phố.
- C. Như được sử dụng trong Chương này, "đơn vị cho thuê" nghĩa là một phòng hoặc hai (2) hay nhiều phòng, được thiết kế hoặc sử dụng như một nơi cung cấp nhà ở riêng cho các mục đích cư ngụ, ngủ hay ở trọ cho một (1) người hoặc hai (2) người hay nhiều người cùng chung sống.

4.76.420 Thuê hoặc Cho Thuê Bất Động Sản Phi Gia Cư-Đình Nghĩa

- A. Như được sử dụng trong Chương này, bất động sản phi gia cư được định nghĩa là bất động sản công nghiệp hoặc thương mại, các tòa nhà hoặc cấu trúc bao gồm nhưng không giới hạn ở bất động sản được sử dụng để làm nhà kho, lưu trữ hoặc bãi đậu xe.
- B. Như được sử dụng trong Chương này, kinh doanh thuê hoặc cho thuê bất động sản phi gia cư sẽ được định nghĩa là từng người tham gia vào kinh doanh thuê hoặc cho thuê bất động sản phi gia cư như người cho thuê hoặc người cho thuê lại của Thành Phố.

- C. Như được sử dụng trong chương này, "foot vuông" hoặc "feet vuông" sẽ được định nghĩa là diện tích được đo bằng feet vuông của toàn bộ cấu trúc và tòa nhà phi gia cư bao gồm mỗi và từng tầng, gác lửng, tầng hầm, hầm chứa hoặc tầng hầm dưới lòng đất và toàn bộ đất được sử dụng làm chỗ đậu xe đến mức độ phải thu phí đậu xe ở bãi đậu xe đó.

4.76.430 Thuê hoặc Cho Thuê Công Viên Nhà Di Động-Đình Nghĩa

- A. Như được sử dụng trong Chương này, một công viên nhà di động được định nghĩa là bất kỳ công viên nhà di động, công viên xe moóc, tòa xe moóc, công viên xe moóc du lịch, công viên xe moóc giải trí, các khu vực cắm trại phụ thuộc và lều trại hoặc kết hợp của các loại trên.
- B. Như được sử dụng trong Chương này, kinh doanh thuê hoặc cho thuê công viên nhà di động sẽ được định nghĩa là từng người tham gia vào kinh doanh thuê hoặc cho thuê công viên nhà di động như người cho thuê hoặc người cho thuê lại của Thành Phố.
- C. Như được sử dụng trong Chương này, "lô" nghĩa là khu vực được chỉ định để nhà di động, nhà trên xe moóc, xe giải trí hoặc lều.

4.76.440 Thuế Kinh Doanh-Số Tiền-Ngày Hiêu Lực

- A. Bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 2017, mỗi người tham gia vào kinh doanh thuê hoặc cho thuê bất động sản gia cư, bất động sản phi gia cư, hoặc công viên nhà di động trong Thành Phố phải nộp cho Giám Đốc loại thuế như quy định dưới đây:
1. Các doanh nghiệp trong các danh mục được phân loại trong Đoạn 4.76.410 (Thuê hoặc Cho Thuê Bất Động Sản Gia Cư): thuế kinh doanh tối thiểu là một trăm chín mươi lăm đô la (\$195.00) mỗi năm cộng với một loại thuế bổ sung cho mỗi đơn vị thuê mỗi năm với số tiền quy định như dưới đây nhiều hơn hai (2) đơn vị thuê, không vượt quá số tiền tối đa là một trăm năm mươi ngàn đô la (\$150,000.00) mỗi năm, tùy thuộc vào sự điều chỉnh hàng năm được quy định trong Đoạn 4.76.450.

Số Đơn Vị Thuê (Gia Cư)	Thuế mỗi Đơn Vị Thuê
1-2	\$0
3-35	\$10
36-100	\$15
101-500	\$20
501+	\$25

2. Các doanh nghiệp trong các danh mục được phân loại trong Đoạn 4.76.420 (Thuê hoặc Cho Thuê Bất Động Sản Phi Gia Cư): thuế kinh doanh tối thiểu là một trăm chín mươi lăm đô la (\$195.00) mỗi năm cộng với một loại thuế bổ sung cho mỗi đơn vị thuê mỗi năm với số tiền là 2.5 xu (\$0.025)

mỗi foot vuông, không vượt quá số tiền tối đa là một trăm năm mươi ngàn đô la (\$150,000.00) mỗi năm, tùy thuộc vào sự điều chỉnh hàng năm được quy định trong Đoạn 4.76.450.

3. Các doanh nghiệp trong các danh mục được phân loại trong Đoạn 4.76.430 (Thuê hoặc Cho Thuê Công Viên Nhà Di Động): thuế kinh doanh tối thiểu là một trăm chín mươi lăm đô la (\$195.00) mỗi năm cộng với một loại thuế bổ sung cho mỗi lô cho thuê mỗi năm với số tiền là mười đô la (\$10.00) mỗi lô cho thuê trên hai (2) lô, không vượt quá số tiền tối đa là một trăm năm mươi ngàn đô la (\$150,000.00) mỗi năm, tùy thuộc vào sự điều chỉnh hàng năm được quy định trong Đoạn 4.76.450.

Số Lô (Công Viên Nhà Di Động)	Thuế mỗi Lô
1-2	\$0
3 hoặc nhiều hơn	\$10

4.76.450 Điều chỉnh CPI

Thuế kinh doanh tối thiểu, thuế bổ sung dựa trên số đơn vị thuê, lô, feet vuông, và ngưỡng tham khảo trong Đoạn 4.76.440 nêu trên, mỗi loại sẽ được điều chỉnh hàng năm, bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 2018, và mỗi năm sau đó, nếu chỉ phí sinh hoạt trong Thành Phố đã tăng cao hơn giai đoạn căn bản trước đó như thể hiện bằng chỉ số CPI, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào điều chỉnh cũng không vượt quá ba phần trăm (3%) mỗi năm trên số thuế căn cứ trên số đơn vị thuê, lô và feet vuông, và ba phần trăm (3%) mỗi năm trên ngưỡng, và một phẩy năm phần trăm (1.5%) mỗi năm trên thuế kinh doanh tối thiểu. Cho những mục đích của Đoạn này, giai đoạn căn bản cho giai đoạn điều chỉnh đầu tiên bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 2018 sẽ là Chỉ Số CPI được báo cáo trong giai đoạn từ tháng Hai, 2017 đến tháng Hai, 2018. Giai đoạn căn bản cho mỗi lần điều chỉnh tiếp theo sau đó sẽ là từ tháng Hai đến tháng Hai. Trong trường hợp Chỉ Số CPI không còn được đăng tải, Giám Đốc sẽ sử dụng làm tài liệu tham khảo một chỉ số khác đăng tải bởi Tiểu Bang California hoặc một bộ phận hay cơ quan khác của liên bang được giao trách nhiệm đo lường phí tổn sinh hoạt trong khu vực địa lý bao gồm Thành Phố.

4.76.460 Thuê hoặc Cho Thuê Bất Động Sản cho các Thực Thể, Doanh Nghiệp, Tổ Chức được Miễn Thuế

Việc thuê hoặc cho thuê bất động sản cho các thực thể của chính quyền hoặc bất kỳ doanh nghiệp hay tổ chức nào có tên trong Phần 5 của Chương này sẽ được coi là một công việc kinh doanh cho mục đích của Chương này.

4.76.470 Bất Động Sản-Yêu Cầu Mô Tả

Mỗi người chịu trách nhiệm cho một loại thuế kinh doanh chiếu theo Chương này sẽ nộp cùng đơn đăng ký thuế kinh doanh một danh sách riêng bất động sản được sở hữu, cho thuê hoặc thuê trong Thành Phố theo địa chỉ đường phố và theo số lô đất của Thẩm Định Viên Quận cho mỗi lô hoặc diện tích nắm giữ để thuê hoặc cho thuê và một danh sách hoàn chỉnh những người thuê hoặc thuê lại mỗi bất động sản.

4.76.480 Các Công Ty Nước

Mỗi người tham gia kinh doanh một tiện ích nước công cộng trong Thành Phố sẽ nộp thuế kinh doanh tối thiểu là một trăm chín mươi lăm đô la (\$195.00) mỗi năm cộng tiền thuế bổ sung dựa trên số lượng kết nối đồng hồ trong thành phố, với phân suất một đô la (\$1.00) một kết nối mỗi năm, không vượt quá số tiền tối đa là một trăm năm mươi ngàn đô la (\$150,000.00) mỗi năm, tùy thuộc vào sự điều chỉnh hàng năm được quy định trong Đoạn 4.76.485.

4.76.485 Điều Chỉnh CPI

Thuế kinh doanh tối thiểu, thuế trên mỗi kết nối, và ngưỡng tham khảo trong Đoạn 4.76.480 nói trên, mỗi loại sẽ được điều chỉnh hàng năm, bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 2018, và mỗi năm sau đó, nếu chi phí sinh hoạt trong Thành Phố đã tăng cao hơn giai đoạn căn bản trước đó như thể hiện bằng chỉ số CPI, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào điều chỉnh cũng không vượt quá ba phần trăm (3%) mỗi năm trên số thuế dựa trên số kết nối đồng hồ đang hoạt động, và ba phần trăm (3%) mỗi năm trên ngưỡng, và một phẩy năm phần trăm (1.5%) mỗi năm trên thuế kinh doanh tối thiểu. Cho những mục đích của Đoạn này, giai đoạn căn bản cho giai đoạn điều chỉnh đầu tiên bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 2018 sẽ là Chỉ Số CPI được báo cáo trong giai đoạn từ tháng Hai, 2017 đến tháng Hai, 2018. Giai đoạn căn bản cho mỗi lần điều chỉnh tiếp theo sau đó sẽ là từ tháng Hai đến tháng Hai. Trong trường hợp Chỉ Số CPI không còn được đăng tải, Giám Đốc sẽ sử dụng làm tài liệu tham khảo một chỉ số khác đăng tải bởi Tiểu Bang California hoặc một bộ phận hay cơ quan khác của liên bang được giao trách nhiệm đo lường phí tổn sinh hoạt trong khu vực địa lý bao gồm Thành Phố.

4.76.490 Các Cơ Sở Xử Lý Chất Thải Rắn

- A. Cho những mục đích của Đoạn này, "cơ sở xử lý chất thải rắn" nghĩa là một cơ sở hoặc địa điểm bất kỳ diễn ra việc xử lý chất thải rắn. "Cơ sở xử lý chất thải rắn" không bao gồm một cơ sở được sử dụng để nhận các chất thải rắn cho mục đích tái chế, tách rời hoặc tiến trình vật liệu khác trong chất thải rắn, hoặc cho mục đích chuyển chất thải rắn trực tiếp từ phương tiện chuyên chở nhỏ hơn sang phương tiện lớn hơn để vận chuyển, nơi việc xử lý chất thải rắn lâu dài tại cơ sở không diễn ra.
- B. Cho những mục đích của Đoạn này, "Giấy Phép Cơ Sở Chất Thải Rắn" nghĩa là giấy phép được cấp cho việc điều hành một cơ sở chất thải rắn chiếu theo Bộ Luật Chính Quyền California Đoạn 66796.30 và tiếp theo.
- C. Cho những mục đích của Đoạn này, các cơ sở xử lý chất thải rắn phải được phân loại như sau:
1. Cơ sở xử lý chất thải rắn Loại A là một cơ sở mà, chiếu theo Giấy Phép Cơ Sở Chất Thải Rắn của cơ sở, được phép nhận rác, như được định nghĩa trong Chương Chapter 9.08 của Bộ Luật này, để xử lý tại cơ sở.
 2. Cơ sở xử lý chất thải rắn Loại B là một cơ sở mà, chiếu theo Giấy Phép Cơ Sở Chất Thải Rắn của cơ sở, được phép chỉ nhận các chất thải rắn không độc hại, ngoài rác, để xử lý tại cơ sở.

- D. Bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy, 1989, mỗi người tham gia vào kinh doanh điều hành một cơ sở xử lý chất thải rắn sẽ nộp thuế kinh doanh hàng tháng như sau:
1. Cho những nhân viên điều khiển các cơ sở xử lý chất thải rắn Loại A, thuế suất sẽ là ba đô la (\$3.00) mỗi tấn chất thải rắn được nhận tại cơ sở trong tháng mà thuế đó phải nộp.
 2. Cho những nhân viên điều khiển các cơ sở xử lý chất thải rắn Loại B, thuế suất sẽ là hai đô la và 10 xu (\$2.10) mỗi tấn chất thải rắn được nhận tại cơ sở trong tháng mà thuế đó phải nộp.
- E. Trừ khi được quy định trong tiểu đoạn F dưới đây, nhân viên điều khiển cơ sở chất thải rắn sẽ cân toàn bộ chất thải rắn, bao gồm loại có thể tái chế, được nhận tại cơ sở xử lý chất thải rắn. Chất thải sẽ được cân bằng một cái cân được chứng nhận hàng năm bởi Ủy Viên Nông Nghiệp Quận Santa Clara/Cơ Quan Đóng Dấu Cân Đo. Bằng chứng về chứng nhận hàng năm phải được nộp cho giám đốc sở của Thành Phố do Quản Lý Thành Phố chỉ định.
- F. Chất thải được chở đến cơ sở chất thải rắn có khối lượng nhỏ không cần nhân viên điều khiển cơ sở chất thải rắn cân trong trường hợp cân các loại chất thải như vậy sẽ làm cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến điều hành hiệu quả của cơ sở xử lý chất thải rắn. Nhân viên điều khiển sẽ báo cáo Giám Đốc số lượng các tải nhỏ nhận được tại cơ sở chất thải rắn trong tháng nộp thuế kinh doanh và thể tích (theo yard khối) chất thải trong mỗi tải nhỏ, và sẽ bao gồm những chất thải này khi tính toán thuế ở mức hai trăm năm mươi (250) pound trên mỗi tải nhỏ. Cho những mục đích của Đoạn này, "tải nhỏ" nghĩa là một lần giao chất thải có trọng lượng ít hơn hoặc bằng một (1) tấn.
- G. Người điều khiển cơ sở xử lý chất thải rắn thực hiện quy trình tái chế chất thải rắn tại cơ sở xử lý chất thải rắn có thể, chiếu theo Tiểu Đoạn này, lấy số lượng chất thải rắn chịu thuế kinh doanh theo Tiểu Đoạn D nói trên trừ đi số tấn vật liệu đã tái chế đã được xử lý tạo cơ sở trong tháng nộp thuế.
1. Nếu cơ sở xử lý chất thải rắn bao gồm một khu vực xử lý tái chế được chứng nhận tách biệt khỏi khu vực xử lý chất thải rắn, số lượng chất thải rắn nhận được tại cơ sở và được trực tiếp đưa đến khu vực xử lý tái chế được chứng nhận có thể được trừ khỏi số lượng chất thải rắn chịu thuế. Chất thải dư thừa còn lại ở khu vực xử lý tái chế được chứng nhận sẽ được cân trước khi xử lý tại khu vực xử lý chất thải và số lượng chất thải dư còn lại sẽ phải chịu thuế. Không nhân viên điều khiển cơ sở xử lý chất thải rắn nào được trừ chất thải lấy đi từ khu vực xử lý tái chế khỏi số lượng chịu thuế trừ khi khu vực xử lý tái chế đã được chứng nhận bởi giám đốc của sở Thành Phố được chỉ định bởi Quản Lý Thành Phố theo các quy tắc và quy định do giám đốc nói trên ban hành.
 2. Khi vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn bao gồm thu nhận vật liệu tái chế từ các chất thải rắn mang đến khu vực xử lý của cơ sở, số lượng vật liệu nhận được gửi đến cơ sở có thể được trừ khỏi số lượng chất thải chịu thuế. Cho các mục đích của Đoạn này, "thu nhận" nghĩa là việc tách có kiểm

soát vật liệu chất thải khỏi chất thải rắn được mang đến cơ sở khu vực xử lý nơi việc tháo rời như vậy là nhằm mục đích tái chế vật liệu chất thải được tách ra.

- H. Nhân viên điều hành cơ sở xử lý chất thải rắn có thể trừ khỏi số chất thải rắn chịu thuế kinh doanh theo Tiểu Đoạn D như trên: (1) số tấn vật liệu phủ từ bất kỳ địa điểm nào của cơ sở, và (2) số tấn vật liệu xây dựng trợ từ bất kỳ địa điểm nào của cơ sở. Cho các mục đích của Đoạn này:
1. "Vật liệu phủ" nghĩa là đất hoặc các vật liệu khác phù hợp dùng để phủ lên chất thải rắn đặc trong một cơ sở xử lý chất thải rắn mà nhân viên điều hành cơ sở sử dụng tại cơ sở cho các mục đích phủ lên chất thải.
 2. "Vật liệu xây dựng trợ" nghĩa là vật liệu trợ như đá, bê tông, nhựa đường và bùn được sử dụng cho các mục đích xây dựng tại cơ sở như đường nội bộ và các tấm đắp hoặc bịt.
- I. Nhân viên điều khiển cơ sở xử lý chất thải rắn phải nộp cho Thành Phố, cùng thời điểm nộp thuế giấy phép điều khiển được áp theo Đoạn này, một tờ khai, cùng với các tài liệu hỗ trợ, ghi rõ tháng đã nộp thuế: (1) tổng số tấn chất thải rắn được chấp nhận tại cơ sở; (2) tổng số tấn chất thải rắn được chấp nhận tại cơ sở và chuyển đến một khu vực xử lý tái chế được chứng nhận; và (3) tổng số tấn vật liệu thu nhận từ các chất thải rắn được chấp nhận tại cơ sở; (4) tổng số tấn vật liệu đã tái chế chuyển ra khỏi cơ sở; và (5) tổng số tấn vật liệu phủ và vật liệu xây dựng trợ từ bất kỳ địa điểm nào của cơ sở và được chấp nhận bởi cơ sở.
- J. Nhân viên điều khiển cơ sở xử lý chất thải rắn sẽ giữ và duy trì tại văn phòng tại địa phương của cơ sở chất thải rắn toàn bộ hồ sơ liên quan đến bất kỳ và toàn bộ chất thải nhận được hay xử lý tại cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn ở cân nặng số chất thải rắn nhận được được chấp nhận tại cơ sở và cân nặng số chất thải rắn nhận được cho các vật liệu tái chế được chuyển ra ngoài cơ sở. Những hồ sơ đó sẽ được lưu giữ và duy trì không quá ba (3) năm kể từ ngày chất thải được nhận hoặc xử lý. Toàn bộ hồ sơ phải ghi số tấn chất thải rắn được chấp nhận tại cơ sở, số tấn vật liệu tái chế được chuyển ra ngoài cơ sở, và số tấn vật liệu phủ và vật liệu xây dựng trợ được dùng tại cơ sở sẽ được Giám Đốc, giám đốc sở Thành Phố được chỉ định bởi Quản Lý Thành Phố, Thanh Tra Thành Phố, Luật Sư Thành Phố và những người được chỉ định của họ thanh tra, sau khi có thông báo bằng văn bản đến người điều khiển cơ sở xử lý chất thải rắn.

4.76.495 Tam Ngừng Thuế Kinh Doanh cho Các Cơ Sở Xử Lý Chất Thải Rắn

Thuế áp theo Đoạn 4.76.490 được tạm ngừng từ ngày 1 tháng Bảy, 1992, và sẽ tiếp tục tạm ngừng miễn là thuế cơ sở xử lý chất thải được áp theo Chương 4.78 của Bộ Luật này vẫn còn hiệu lực và thay cho thuế được áp bởi Đoạn 4.76.490 nhân viên điều khiển cơ sở xử lý chất thải rắn sẽ nộp loại thuế được áp bởi Chương 4.78.

Phần 5
CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN THUẾ

4.76.600 Các Trường Hợp Miễn Thuế – Tổng Quát

Trừ khi có quy định khác trong Chương này, các thuật ngữ sau đây sẽ không được coi là hay hiểu là áp dụng cho bất kỳ người nào mà việc áp thuế cho người đó sẽ vi phạm Hiến Pháp Hoa Kỳ hay Hiến Pháp của Tiểu Bang California hoặc luật tiểu bang hoặc liên bang liên quan

4.76.610 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Đơn-Các Điều Kiện Ban Hành

Bất kỳ người nào muốn xin miễn nộp thuế kinh doanh phải nộp đơn theo mẫu như được quy định bởi Giám Đốc và cung cấp thông tin và chứng thư theo yêu cầu. Sau khi đưa ra quyết định người nộp đơn có quyền được miễn nộp thuế kinh doanh vì bất kỳ lý do nào được quy định trong Chương này, Giám Đốc sẽ cấp một chứng nhận thuế kinh doanh cho người đó, thể hiện trên trang ngoài cùng của chứng nhận rằng doanh nghiệp được miễn nộp thuế.

4.76.620 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Cơ Sở Thu Hồi-Thông Báo-Quyền Khiếu Nại và Kháng Cáo

- A. Giám Đốc có thể thu hồi chứng nhận thuế kinh doanh đã cấp theo Đoạn 4.76.610, sau khi thông tin về việc miễn nộp một loại thuế không được bảo đảm.
- B. Thông báo thu hồi sẽ được cấp theo cùng cách thức và trong cùng khoảng thời gian với các thông báo thẩm định trong Đoạn từ 4.76.850 đến 4.76.870, và người được gửi thông báo thu hồi sẽ có quyền khiếu nại và kháng cáo như quy định trong các Đoạn từ 4.76.850 đến 4.76.870.

4.76.630 Định Nghĩa về Nhân Thu Nhập Riêng

Cho các mục đích của các Đoạn 4.76.640 và 4.76.650, việc thanh toán các chi phí cần thiết phát sinh trong khi tiến hành hoặc dàn dựng sự kiện giải trí hoặc tiêu khiển, hòa nhạc, triển lãm, giảng dạy, khiêu vũ hay điền kinh từ thu nhập nhận được trong đó sẽ không bị coi là sử dụng thu nhập nhận được làm thu nhập riêng của bất kỳ người nào.

4.76.640 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Một Số Tổ Chức Nhất Định-Các Hoạt Động Hoặc Giải Trí Được Phép Khi

Các tổ chức và hiệp hội sau đây sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh được áp theo các điều khoản của Chương này nếu bất kỳ việc kinh doanh, giải trí hoặc hoạt động nào sau đây:

- A. Bất kỳ tổ chức hay hiệp hội tôn giáo, anh em, hợp tác sinh viên, giáo dục, quân sự của thành phố, quận hay tiểu bang tiến hành bất kỳ công việc kinh doanh nào mà công việc kinh doanh đó chỉ dành cho các thành viên trong tổ chức hoặc hiệp hội mà không dành cho công chúng;

- B. Bất kỳ tổ chức hay hiệp hội tôn giáo, anh em, hợp tác sinh viên, giáo dục, quân sự của thành phố, quận hay tiểu bang tiến hành hay dàn dựng sự kiện giải trí hoặc tiêu khiển, hòa nhạc, triển lãm, giảng dạy, khiêu vũ hay điền kinh, thu nhập nhận được từ công việc đó sẽ được sử dụng toàn bộ vì lợi ích của tổ chức mà không phải là thu nhập riêng của bất kỳ cá nhân nào;
- C. Bất kỳ tổ chức, hiệp hội hay hợp tác sinh viên được phép của cơ sở giáo dục mà có tư cách hội viên của cơ sở đó, tiến hành hay dàn dựng sự kiện giải trí hoặc tiêu khiển, hòa nhạc, triển lãm, giảng dạy, khiêu vũ hay điền kinh, thu nhập nhận được từ công việc đó sẽ được sử dụng toàn bộ vì lợi ích của tổ chức đó mà không phải là thu nhập riêng của bất kỳ cá nhân nào;
- D. Bất kỳ tổ chức hay hiệp hội nào tiến hành hay dàn dựng sự kiện giải trí hoặc tiêu khiển, hòa nhạc, triển lãm, giảng dạy, khiêu vũ hay điền kinh, khi việc sử dụng các cơ sở mà các hoạt động đó được tiến hành hay dàn dựng là cho mục đích sử dụng của thành phố. "Sử dụng của thành phố" nghĩa là sử dụng hoặc thực hiện mang lại lợi ích cho thành phố về mặt tổng thể hoặc một tổ chức hoặc hoạt động mang lại lợi ích cho thành phố về mặt tổng thể và được tài trợ bởi một tổ chức có toàn bộ hay một phần thu nhập từ Thành Phố, hoặc cho lợi ích của một tổ chức hoặc hoạt động được hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần bởi Thành Phố.

4.76.650 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Giải Trí Từ Thiên

Bất kỳ người nào tiến hành hay dàn dựng hòa nhạc, triển lãm, giảng dạy, khiêu vũ, tiêu khiển hoặc giải trí mà thu nhập, nếu có, phát sinh từ hoạt động đó chỉ được dùng cho các mục đích từ thiện hoặc công đức và không phải là thu nhập cá nhân sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh được quy định theo các điều khoản của Chương này.

4.76.660 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Các Tổ Chức Từ Thiện

Các tổ chức sau đây sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này: Mọi cơ sở, tổ chức hoặc hiệp hội từ thiện được tổ chức chỉ cho các mục đích từ thiện.

4.76.670 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Nhân Viên Của Một Số Tổ Chức Nhất Định

Bất kỳ một thể nhân nào tham gia vào kinh doanh, nghề nghiệp hay chức vụ được đề cập đến trong các Đoạn từ 4.76.630 đến 4.76.660 và 4.76.710 đến 4.76.730, chỉ là một nhân viên của bất kỳ người nào đang thực hiện, quản lý hoặc tiến hành công việc kinh doanh như vậy trong Thành Phố, và không phải là chủ lao động, cộng tác viên, liên kết hoặc giám đốc trong doanh nghiệp đó, sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh của công việc kinh doanh, nghề nghiệp hay chức vụ đó.

4.76.680 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Nông Gia và Người Chăn Nuôi Gia Cầm

Các điều khoản của Chương này sẽ không được hiểu là yêu cầu nông gia, người chăn nuôi gia cầm hay người làm vườn đang sống và tiến hành kinh doanh trong Quận Santa Clara nộp thuế kinh doanh theo Chương này để được

quyền bán độc quyền các sản phẩm của họ. Miễn thuế này sẽ không áp dụng cho các ao nuôi cá hay các cơ sở thương mại khác mua bán lại hàng hóa cũng như bán sản phẩm của họ.

4.76.690 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Thương Mại Liên Bang

Bất kỳ người bán lẻ, luật sư hay bất kỳ người nào khiếu nại có quyền được miễn nộp thuế kinh doanh theo quy định trong Chương này dựa trên cơ sở cho rằng thuế đó đặt gánh nặng lên quyền được tham gia thương mại với nước ngoài hoặc giữa các tiểu bang, hoặc mâu thuẫn với các quy định của Quốc Hội Hoa Kỳ về thương mại liên bang, phải nộp một văn bản đã được xác minh cho Giám Đốc, trình bày thương mại liên bang đó hoặc đặc điểm kinh doanh khác được quyền hưởng miễn thuế. Văn bản đó phải nêu tên và địa điểm công ty hoặc hãng mà đơn hàng được mời chào hoặc bảo đảm, tên của quản lý tiểu bang hay địa phương gần nhất, nếu có, và địa chỉ, loại hàng hóa, đồ vật hay đồ đạc sẽ giao hàng, địa điểm mà các hàng hóa nêu trên được vận chuyển hoặc chuyển tiếp, biện pháp mời chào hoặc lấy được đơn hàng, địa điểm mà nhà kho, nhà máy hay cơ sở sản xuất trong Tiểu Bang California, biện pháp giao hàng, tên và địa chỉ của người nộp đơn, và bất kỳ sự kiện nào cần thiết để xác lập khiếu nại miễn thuế đó. Một bản sao của đơn hàng trống, mẫu hợp đồng hay các giấy tờ khác được sử dụng bởi người đó trong việc lấy được các đơn hàng phải được đính kèm chứng thư để làm thông tin cho Giám Đốc.

4.76.695 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Các Giao Dịch Không Thường Xuyên

- A. Các điều khoản của Chương này sẽ không áp dụng cho những người không có địa điểm kinh doanh cố định trong Thành Phố, vào Thành Phố cho mục đích giao dịch một khoản mục kinh doanh cụ thể theo yêu cầu của một bệnh nhân, khách hàng hoặc người mua cụ thể, miễn là người đó không vào Thành Phố vì mục đích giao dịch kinh doanh lâu hơn năm (5) ngày trong bất kỳ năm dương lịch nào.
- B. Đối với bất kỳ người nào không có một địa điểm kinh doanh cố định trong Thành Phố đến Thành Phố cho các mục đích giao dịch kinh doanh và không được miễn thuế như quy định trong Tiểu Đoạn A của Đoạn này, thuế kinh doanh phải nộp bởi người đó có thể được phân bổ bởi Giám Đốc theo các quy định hành chính được ban hành chiếu theo Đoạn 4.76.760.

4.76.710 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Bán Lẻ Hàng Hóa bởi Nhà Sản Xuất

Mỗi thể nhân bán lẻ hàng hóa hay đồ vật được làm hoặc sản xuất bởi người đó sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh cho kinh doanh bán lẻ được áp theo các điều khoản của Chương này.

4.76.715 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Bán Hàng Hóa Sản Xuất Bằng Tay

Các nghệ sĩ và thợ thủ công bán những hàng hóa và đồ vật do họ tự thiết kế và làm bằng tay sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này nếu một trong hai mục dưới đây được người xin miễn chứng minh thỏa đáng với Giám Đốc:

- A. Bán hàng hóa và đồ vật trong nhà của nghệ sĩ hoặc thợ thủ công theo Đoạn 20.30.110 của Bộ Luật Thành Phố San José trong một giai đoạn không quá hai lần bốn (4) ngày liên tiếp trong bất kỳ năm dương lịch nào; hoặc
- B. Tiếp tục bán hàng hóa và đồ vật trên cơ sở hàng năm tại một (1) địa điểm miễn là giá trị bán lẻ của hàng tại kho ở địa điểm đó không vượt quá hai ngàn đô la (\$2,000.00).

4.76.720 Những Trường Hợp Miễn Thuế-Người Cao Tuổi

Mỗi thể nhân sáu mươi lăm (65) tuổi và có tổng doanh thu hàng năm, như được định nghĩa trong Đoạn 4.76.345 B.2., từ bất kỳ và toàn bộ kinh doanh nào là sáu ngàn đô la (\$6,600.00) hoặc ít hơn sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh theo các điều khoản của Chương này. Các giới hạn được mô tả trong đoạn này sẽ được thay đổi đồng thời với những thay đổi của Điều Hành An Sinh Xã Hội quản lý thu nhập cho phép không ảnh hưởng đến các phúc lợi hưu trí an sinh xã hội.

4.76.730 Những Trường Hợp Miễn Thuế-Giáo Viên-Điều Kiện

Các điều khoản của Chương này sẽ không yêu cầu nộp thuế cho việc giảng dạy các môn âm nhạc, nghệ thuật hoặc giáo dục khi có các điều kiện sau:

- A. Việc giảng dạy được thực hiện ở nơi cư trú của giáo viên hoặc học sinh; và
- B. Giáo viên không thuê phụ tá, không trưng biển quảng cáo tại nơi cư trú và không bán hàng hóa liên quan đến việc giảng dạy.

4.76.740 Những Trường Hợp Miễn Thuế-Tiến Hành Kinh Doanh tại Một Số Địa Điểm Nhất Định Trong Thành Phố

- A. Bất kỳ công việc kinh doanh nào được tiến hành tại Nhà Hát California, Trung Tâm để Trình Diễn Nghệ Thuật, Thính Phòng San José Civic, Trung Tâm Đại Hội San José hay các cơ sở văn hóa hoặc đại hội khác do Thành Phố sở hữu theo sự cho phép hoặc cấp phép (bởi hợp đồng, giấy phép hay khác) của Thành Phố để sử dụng hoặc cư trú tại các cơ sở đó cho mục đích tiến hành công việc trong đây sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh cho công việc kinh doanh tiến hành tại đó. Khoản miễn thuế này chỉ áp dụng cho những công việc kinh doanh được tiến hành tại các cơ sở đó, và đến mức độ mà công việc kinh doanh mà khoản miễn thuế áp dụng cũng liên quan đến hoặc bao gồm việc tiến hành kinh doanh tại các địa điểm trong Thành Phố ngoài những cơ sở đó, công việc kinh doanh được tiến hành tại các địa điểm khác sẽ vẫn phải nộp thuế kinh doanh được áp theo Chương này. Khoản miễn thuế này sẽ không áp dụng cho công việc kinh doanh được tiến hành tại các cơ sở theo một hợp đồng với Thành Phố có thời hạn quá một (1) năm và cho phép tiến hành công việc kinh doanh đó tại những cơ sở này trong thời hạn của hợp đồng.

- B. Khoản miễn thuế được quy định trong Đoạn này sẽ không được coi là hay hiểu là áp dụng cho công việc xây cất, sửa chữa, bảo hộ hay bảo trì được thực hiện tại các cơ sở đó. Các điều khoản của Đoạn 4.76.610 sẽ không áp dụng cho miễn thuế được quy định trong Đoạn này.

4.76.741 Các Trường Hợp Miễn Thuế-Nhà Cung Cấp-Các Sự Kiện Hàng Năm hoặc Đặc Biệt được Tiến Hành bởi các Tổ Chức Bất Vụ Lợi hoặc Từ Thiện

Các điều khoản của Chương này sẽ áp dụng cho bất kỳ người nào tiến hành một công việc kinh doanh vì lợi nhuận khi người đó đang tham gia vào hội chợ hàng thủ công, triển lãm, trưng bày, lễ kỷ niệm, khiêu vũ, tiêu khiển, giải trí hoặc sự kiện khác bao gồm việc thu gom thực phẩm, đồ uống, tác phẩm nghệ thuật, hàng thủ công hay bán hàng lưu niệm bởi những các nhân hay những người khác nhau, khi các sự kiện hội chợ hàng thủ công, triển lãm, trưng bày, lễ kỷ niệm, khiêu vũ, tiêu khiển, giải trí hoặc sự kiện được tiến hành bởi một tổ chức, hiệp hội hay cơ sở bất vụ lợi hay từ thiện, trừ khi được miễn thuế theo quy định khác. Các nhà cung cấp được miễn nộp thuế kinh doanh khi tham gia vào những sự kiện được quy định cụ thể như vậy nếu họ đáp ứng được các điều kiện miễn thuế được xác lập bởi Giám Đốc, Giám Đốc Phát Triển Kinh Tế Thành Phố và tổ chức bất vụ lợi hoặc từ thiện tiến hành sự kiện. Khoản miễn thuế này chỉ áp dụng trong thời gian diễn ra sự kiện đó mà thôi.

4.76.745 Miễn Thuế cho Nhà Giữ Trẻ Cho Gia Đình

Mỗi người mở một Nhà Giữ Trẻ Cho Gia Đình, theo thuật ngữ được định nghĩa trong Điều 1 của Chương 3.4 Phần 2 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn của California, có mười bốn (14) hoặc ít hơn trẻ em dưới mười tám (18) tuổi sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh được áp theo những điều khoản của Chương này.

4.76.746 Miễn Thuế Cho Người Chăm Sóc Trong Gia Đình

- A. Bất kỳ thành viên gia đình nào nhận được tiền công cho việc cung cấp dịch vụ chăm sóc cho một người thân khác trong gia đình đau ốm và/hoặc cao tuổi sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh được áp theo những điều khoản của Chương này do nhận tiền công để cung cấp sự chăm sóc như vậy.
- B. Cho các mục đích của Đoạn này, các định nghĩa sau áp dụng:
1. "Dịch vụ chăm sóc" nghĩa là sự hỗ trợ một (1) hoặc nhiều hơn các công việc sau: mặc quần áo, cho ăn, đi vệ sinh, tắm, chải đầu, vận động, kiểm soát hoặc giám sát sinh hoạt hàng ngày và các công việc liên quan.
 2. "Thành viên gia đình" nghĩa là người hôn phối, bạn đời ở nhà, cha mẹ, cha mẹ kế, bác, cậu, anh chị em ruột, con, ông bà hay con cháu trực hệ của những người này và người giám hộ hợp pháp.
 3. "Bạn đời ở nhà" được định nghĩa trong Đoạn 4.76.115.

4.76.748 Miễn Thuế Cho Cảnh Sát Viên Tham Gia vào Việc Làm Phụ Thuộc Các Lực Lượng Vũ Trang

Bất kỳ cảnh sát viên hay cảnh sát viên dự bị của Thành Phố San José, theo Đoạn 70 của Bộ Luật Hình Sự California và các quy trình và chính sách của Thành Phố và Sở Cảnh Sát San José tham gia việc làm phụ như nhân viên an ninh với một cơ quan của tiểu bang hay cơ quan tại địa phương, hay là chủ tư nhân của một lực lượng vũ trang của cảnh sát sẽ được miễn nộp thuế kinh doanh được áp theo các điều khoản của Chương này.

Phần 6

ĐIỀU HÀNH VÀ THI HÀNH

4.76.750 Thi Hành-Các Nhiệm Vụ của Giám Đốc Tài Chính và Cảnh Sát Trưởng

Nhiệm vụ của Giám Đốc, và Giám Đốc theo đây được chỉ đạo để thi hành từng và toàn bộ các điều khoản của Chương này, và Cảnh Sát Trưởng sẽ cung cấp sự hỗ trợ trong việc thi hành Chương này theo các lần yêu cầu của Giám Đốc.

4.76.760 Các Quy Tắc và Quy Định-Phân Chia Trách Nhiệm

Cho các mục đích phân chia trách nhiệm có thể được yêu cầu bởi luật pháp, và cho các mục đích điều hành và thi hành Chương này nói chung, Giám Đốc, đồng thời cùng Luật Sư Thành Phố có thể thỉnh thoảng ban hành các quy tắc và quy định hành chính.

4.76.770 Thanh Tra Chứng Nhân Thuế Kinh Doanh

Giám Đốc và toàn bộ các phó giám đốc có năng lực và thẩm quyền đến, miễn phí, trong giờ làm việc, bất kỳ địa điểm kinh doanh bị đánh thuế nào theo các điều khoản của Chương này và yêu cầu xuất trình một chứng nhận thuế kinh doanh và bằng chứng về số thuế đã nộp. Bất kỳ người nào đã được cấp chứng nhận thuế kinh doanh không xuất trình được chứng nhận thuế kinh doanh hay cung cấp bằng chứng về số tiền thuế kinh doanh đã nộp theo yêu cầu hợp pháp sẽ phạm tội tiểu hình.

4.76.780 Thanh Tra và Kiểm Tra Địa Điểm Kinh Doanh

Giám Đốc, trong khi thực hiện các nhiệm vụ được áp đặt và thay cho các phó giám đốc của mình, có thẩm quyền thanh tra và kiểm tra toàn bộ các địa điểm kinh doanh trong Thành Phố để kiểm tra các điều khoản của Chương này có được tuân thủ hay không.

4.76.790 Thanh Tra và Kiểm Tra các Hồ Sơ và Thiết Bị

Giám Đốc và các phó giám đốc có quyền thanh tra và kiểm tra toàn bộ sổ sách và hồ sơ và, khi cần thiết, toàn bộ thiết bị của bất kỳ người nào tham gia vào kinh doanh trong Thành Phố, cho mục đích xác định số tiền thuế kinh doanh, nếu có, phải nộp theo yêu cầu của các điều khoản trong đây, và cho mục đích xác minh bất kỳ tờ khai hay khoản nào trong tờ khai được lưu giữ bởi bất kỳ người nào chiếu theo các điều khoản của Chương này. Nếu người đó, sau khi có yêu cầu bằng văn bản của Giám Đốc hoặc phó giám đốc, từ chối xuất trình các sổ sách, hồ sơ và thiết bị mà Giám Đốc hoặc phó giám đốc yêu cầu, Giám Đốc có thể, sau khi xem xét toàn bộ thông tin có được về doanh nghiệp và các hoạt động của người từ chối xuất trình, tiến hành thẩm định theo cách thức được quy định trong các Đoạn từ 4.76.850 đến 4.76.870 về bất kỳ loại thuế nào ước tính là đã đến hạn.

4.76.800 Thuế Được Coi Là Còn Nợ Thành Phố

Số tiền thuế kinh doanh, tiền phạt và tiền lãi được áp theo các điều khoản của Chương này sẽ được coi là một khoản nợ Thành Phố và bất kỳ người nào tiến hành kinh doanh mà đầu tiên không có chứng nhận thuế kinh doanh theo Chương này từ Thành Phố để tiến hành kinh doanh sẽ phải chịu trách nhiệm đối với một vụ kiện dưới danh nghĩa Thành Phố tại tòa có đầy đủ thẩm quyền để thu hồi số tiền thuế, tiền phạt và tiền lãi được áp cho doanh nghiệp đó.

4.76.810 Trách Nhiệm-Bằng Chứng Hoạt Động Kinh Doanh

Trong bất kỳ vụ kiện nào theo hoặc phát sinh từ bất kỳ điều khoản nào của Chương này, thực tế là một bên theo đây trình bày rằng bên đó tham gia vào công việc kinh doanh cho giao dịch cần có chứng nhận thuế kinh doanh, hoặc bên đó đã trình bày một biển hiệu đề tên doanh nghiệp, sẽ là bằng chứng có tính chung cuộc về trách nhiệm nộp thuế kinh doanh của bên đó.

4.76.820 Dự Phòng

4.76.840 Xác Định Số Thuế Còn Thiếu

Nếu Giám Đốc không thấy thỏa đáng rằng tờ khai được lưu giữ theo yêu cầu của những điều khoản của Chương này là chính xác hoặc số tiền thuế được tính toán chính xác, giám đốc có thể tính toán và xác định số thuế phải nộp và xác định phần còn thiếu trên cơ sở những sự kiện có trong tờ khai hoặc trên cơ sở những thông tin mà giám đốc có được hoặc có thể có được. Có thể một (1) hay nhiều hơn quyết định về số thuế đến hạn trong một kỳ hay nhiều kỳ còn thiếu sẽ được đưa ra. Khi một người ngừng tham gia vào một công việc kinh doanh, quyết định về số thuế còn thiếu có thể được đưa ra vào bất kỳ lúc nào trong vòng ba (3) ngày sau khi phát sinh bất kỳ trách nhiệm nào từ việc tham gia vào công việc kinh doanh đó cho dù quyết định về số thuế còn thiếu có được ban hành hay không cho đến ngày thuế sẽ đến hạn. Vào bất cứ lúc nào quyết định về số thuế còn thiếu được đưa ra, một thông báo sẽ được cấp cho người nói trên theo cùng cách thức như thông báo thẩm định được cấp theo các Đoạn từ 4.76.850 đến 4.76.870.

4.76.850 Thẩm Định Thuế-Được Phép Khi Nào-Không Nộp Thuế-Gian Lận

- A. Theo bất kỳ trường hợp nào dưới đây, Giám Đốc có thể đưa ra thông báo thẩm định về số tiền thuế một người còn nợ theo Chương này:
1. Nếu người đó chưa nộp tờ khai hay được gửi trả lại theo yêu cầu của các điều khoản của Chương này;
 2. Nếu người đó chưa nộp khoản thuế đến hạn nào theo yêu cầu của các điều khoản của Chương này;
 3. Nếu người đó, sau khi có yêu cầu của Giám Đốc, chưa nộp một tờ khai chính xác hay hoàn thuế, hoặc đã chứng minh đầy đủ cho Giám Đốc thông tin có trong tờ khai hay hoàn thuế đã nộp, hoặc đã nộp bất kỳ số tiền thuế bổ sung đến hạn nào theo các điều khoản của Chương này;
 4. Nếu Giám Đốc xác định rằng việc không nộp bất kỳ khoản thuế kinh doanh đến hạn nào theo Chương này là do gian lận thì một khoản tiền phạt là hai mươi lăm phần trăm (25%) của số tiền thuế sẽ được cộng thêm vào số tiền phạt và tiền lãi được quy định ở các phần khác của Chương này.
 5. Việc không nộp toàn bộ hay một phần thuế kinh doanh đến hạn sẽ làm vô hiệu bất kỳ chứng nhận nào đã được Thành Phố cấp trước đó cho người nộp thuế.
- B. Thông báo thẩm định sẽ quy định riêng số tiền thuế sẽ đến hạn theo sự hiểu biết hoặc ước tính của Giám Đốc, sau khi cân nhắc tất cả thông tin có trong sự hiểu biết của Giám Đốc về doanh nghiệp và hoạt động của người được thẩm định, sẽ đến hạn nộp theo từng đoạn áp dụng của Chương này, và sẽ bao gồm số tiền phạt hoặc tiền lãi cộng dồn trên mỗi khoản kể từ ngày có thông báo thẩm định.

4.76.860 Thẩm Định Thuế-Yêu Cầu Thông Báo

Thông báo thẩm định thuế có hiệu lực sau khi một người hoặc bằng cách chuyển bằng tay thông báo cho người đó, hoặc gửi thông báo qua bưu điện Hoa Kỳ, bưu phí trả trước, đề địa chỉ gửi đến người đó theo địa chỉ của địa điểm kinh doanh ghi trên mặt ngoài cùng của chứng nhận thuế kinh doanh được cấp cho người đó hoặc đến địa chỉ khác mà người đó đã đăng ký với Giám Đốc cho mục đích nhận thông báo theo quy định của Chương này; hoặc nếu người đó không có chứng nhận thuế kinh doanh và không có địa chỉ đăng ký với Giám Đốc cho mục đích như vậy, thì sẽ gửi đến địa chỉ cuối cùng đã biết của người đó. Cho các mục đích của Đoạn này, một dịch vụ qua bưu điện là hoàn tất tại thời điểm gửi cho bưu điện Hoa Kỳ.

4.76.870 Thẩm Định Thuế-Điều Trần-Nộp Đơn và Quyết Định

Trong vòng mười (10) ngày sau ngày dịch vụ, người đó có thể nộp đơn bằng văn bản lên Giám Đốc xin điều trần về thẩm định. Nếu đơn xin điều trần trước Thành Phố không được nộp trong khoảng thời gian quy định trong đây, thuế kinh doanh được Giám Đốc thẩm định sẽ là cuối cùng và chung cuộc. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đơn xin điều trần, Giám Đốc sẽ ấn định một phiên điều trần cho người đó không muộn hơn ba mươi (30) ngày sau ngày nhận được đơn, trừ khi Giám Đốc và người yêu cầu điều trần đồng ý vào một ngày sau đó. Thông báo về phiên điều trần sẽ được Giám Đốc cấp cho người yêu cầu điều trần không muộn hơn năm (5) ngày trước ngày điều trần. Tại phiên điều trần, người nộp đơn có thể xuất hiện và cung cấp bằng chứng về lý do thẩm định do Giám Đốc đưa ra không nên được xác nhận và cố định số thuế đến hạn. Sau phiên điều trần đó, Giám Đốc sẽ quyết định và thẩm định lại thuế phù hợp sẽ thu và ra thông báo bằng văn bản cho người đó theo cách thức quy định trong Đoạn 4.76.860 về việc ra thông báo thẩm định.

4.76.890 Kết Tội Vi Phạm Chương này-Không Được Miễn Thuế

Sự kết tội và hình phạt lên bất kỳ người nào không nộp thuế kinh doanh bắt buộc sẽ không được bảo chữa hoặc miễn cho người đó khỏi kiện tụng dân sự cho nợ thuế kinh doanh còn phải nộp tại thời điểm kết tội đó. Không vụ kiện dân sự nào ngăn chặn khởi tố hình sự cho vi phạm các điều khoản của Chương này hay bất kỳ luật tiểu bang nào yêu cầu nộp đủ các loại thuế.

4.76.900 Vi Phạm Được Coi Là Tội Tiểu Hình-Phạt

Bất kỳ người nào vi phạm các điều khoản của Chương này hay các quy định hoặc quy tắc đã được thông qua chiếu theo đây, hoặc cố tình hay cố ý trình bày sai lạc cho bất kỳ viên chức hoặc nhân viên nào của Thành Phố các sự kiện tài liệu trong việc có chứng nhận thuế kinh doanh được quy định trong đây sẽ được coi là phạm tội tiểu hình, và sau khi bị kết tội sau đó sẽ bị phạt một khoản tiền phạt hay phạt tù như quy định trong Chương 1.08 của Bộ Luật này.

4.76.910 Ngày Có Hiệu Lực

Ngày có hiệu lực của Chương này sẽ là ngày 1 tháng Bảy, 2017.

4.76.920 Áp Dụng Chương này-Nộp Thuế

- A. Nếu được phê chuẩn bởi đa số cử tri vào kỳ tổng tuyển cử tháng Mười Một, 2016, các điều khoản của Chương này sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng Bảy, 2017. Những người tham gia kinh doanh trong Thành Phố và nộp thuế kinh doanh đến hạn vào hoặc sau ngày 1 tháng Bảy, 2017 sẽ chịu trách nhiệm tính và nộp thuế kinh doanh chiếu theo Chương này.
- B. Trước Ngày Hiệu Lực của Chương này, Thành Phố sẽ có một Hệ Thống Lưu Giữ Hồ Sơ Trực Tuyến. Việc không cung cấp một Hệ Thống Lưu Giữ Hồ Sơ Trực Tuyến vì bất kỳ lý do gì, bao gồm nhưng không giới

hạn ở sai sót kỹ thuật, sẽ không biện hộ cho trách nhiệm nộp đơn xin cấp chứng nhận thuế kinh doanh hay nộp thuế kinh doanh, bao gồm tiền lãi và tiền phạt, kịp thời theo yêu cầu của Chương này.

4.76.930 Hiệu Lực Từng Phần

Nếu bất cứ điều khoản nào của Chương này, hay việc áp dụng Chương này cho bất cứ người nào hoặc hoàn cảnh nào, bị tòa có thẩm quyền xét xử xác định là bất hợp pháp, không thể thi hành hay vô hiệu theo cách khác, thì phán quyết đó sẽ không ảnh hưởng đến bất cứ điều khoản nào khác của Chương này hay việc áp dụng Chương này đối với bất cứ người hoặc hoàn cảnh nào khác và, trong ý nghĩa đó, những điều khoản ở đây có tính tách biệt.

4.76.940 Hiệu Lực Tham Chiếu Tiểu Bang và Liên Bang / Cho Phép

Trừ khi có quy định khác cụ thể, bất kỳ tham chiếu nào đến một đạo luật liên bang hoặc tiểu bang trong Chương này sẽ có nghĩa là đạo luật đó thỉnh thoảng có thể được tu chính, miễn là tham chiếu đến đạo luật trong đây không bao gồm các tu chính theo đây, hoặc bất kỳ thay đổi diễn giải nào theo đó bởi một cơ quan tiểu bang hay liên bang hay tòa có nhiệm vụ giải thích luật đó, đến mức độ tu chính hay thay đổi diễn giải đó sẽ, theo luật California, cần được cử tri phê chuẩn tu chính hoặc diễn giải đó, tới mức độ sự thay đổi đó sẽ dẫn đến việc giảm thuế. Tới mức độ phê chuẩn của cử tri được yêu cầu khác hay giảm thuế sẽ dẫn đến, phiên bản trước của đạo luật (hay diễn giải) sẽ vẫn áp dụng được; cho bất kỳ áp dụng hay tinh hướng nào sẽ không cần sự phê chuẩn của cử tri hoặc dẫn đến giảm thuế, các điều khoản của đạo luật được tu chính (hoặc diễn giải mới) sẽ được áp dụng đến mức độ tối đa có thể.

Đến mức độ được Thành Phố cho phép thu hoặc áp thuế được áp theo Chương này được mở rộng do sự thay đổi của luật tiểu bang hay liên bang, sẽ không cần tu chính hay thay đổi nào của Chương này để điều chỉnh thuế phù hợp với những thay đổi đó, và thuế sẽ được áp và thu đến mức tối đa cho phép lên đến toàn bộ số thuế được áp theo Chương này.

4.76.950 Chiu Thanh Tra Hàng Năm của Thành Phố

Theo Đoạn 1215 của Hiến Chương Thành Phố có thể được tu chính, doanh thu từ thuế đánh theo Chương này phải được kiểm toán viên độc lập của Thành Phố kiểm toán hàng năm các loại sổ sách, ghi chép, tài khoản và thủ tục tài khóa của Thành Phố và kết quả kiểm toán này phải được báo cáo trong Báo Cáo Tài Chính Toàn Diện Hàng Năm của Thành Phố.

4.76.960 Tổng Hợp Các Biện Pháp Khắc Phục

Toàn bộ các biện pháp khắc phục và tiền phạt được quy định bởi Chương này hoặc có sẵn theo bất kỳ điều khoản nào của luật hay luật công bằng, bao gồm nhưng không giới hạn ở Đạo Luật Khai Báo Sai (Bộ Luật Chính Quyền Đoạn 12650 và tiếp theo) và Đạo Luật Thực Hành Không Công Bằng (Đạo Luật về Nghề Nghiệp và Kinh Doanh Đoạn 17070 và sau đó), được tổng hợp lại. Việc sử dụng một (1) hay nhiều biện pháp khắc phục bởi Thành Phố sẽ không ngăn cấm việc sử dụng các biện pháp khắc phục khác cho mục đích thi hành các điều khoản của Chương này.

4.76.970 Tu Chính hoặc Bãi Bỏ

Chương này có thể bị bãi bỏ hoặc tu chính bởi Hội Đồng Thành Phố mà không cần phê chuẩn của người dân. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Chương XIIIIC của Hiến Pháp California, cần có phê chuẩn của cử tri cho bất kỳ điều khoản tu chính nào là tăng thuế suất của bất kỳ loại thuế nào được thu chiếu theo Chương này. Người dân Thành Phố San José khẳng định rằng những hành động sau sẽ không tạo thành việc tăng phân suất của thuế:

- A. Việc phục hồi phân suất của thuế lên một thuế suất không cao hơn thuế suất được quy định bởi Chương này, nếu Hội Đồng Thành Phố đã hành động để làm giảm thuế suất;
- B. Một hành động diễn giải hoặc làm rõ phương pháp thuế, hay bất kỳ định nghĩa nào áp dụng cho loại thuế đó, miễn là diễn giải hay làm rõ đó (thậm chí trái ngược với một số diễn giải hay làm rõ trước đó) nhất quán với cách diễn đạt của Chương này;
- C. Cơ sở phân loại một người được miễn thuế hay được loại trừ không phải nộp thuế hoặc việc dừng miễn thuế hay loại trừ không phải nộp thuế đó (bên cạnh việc dừng miễn thuế hay loại trừ không phải nộp thuế được quy định cụ thể trong Chương này); hoặc
- D. Thu thuế được áp bởi Chương này, ngay cả nếu Thành Phố, vào lúc nào đó không thu thuế.